



www.inquiryhistory.com

Q u e s t i o n N i n e

IS GREED GOOD?

EXPLORING AMERICA'S HISTORY THROUGH COMPELLING QUESTIONS

SUPPORTING QUESTIONS

- 1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY
OR ROBBER BARONS?
- 2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?
- 3 WHO SHOULD BE IN CHARGE,
WORKERS OR OWNERS?
- 4 HOW SHOULD GOVERNMENT BALANCE THE
POWER OF SOCIAL CLASSES?

DEVELOPED AND COMPILED BY
J O N A T H A N L O O M I S

SOURCES FOR ORIGINAL TEXT INCLUDE
courses.lumenlearning.com
us history . org
sageamericanhistory.net
learnnc . org
wikipeedia . org



CREATIVE COMMONS ATTRIBUTION
4.0 INTERNATIONAL LICENSE

IS GREED GOOD?

The 40 years that followed the Civil War has often been referred to by historians and the Gilded Age. During this time, America saw impressive economic growth and the unprecedented expansion of major cities, especially in the North and West.

Technological innovations of the time included the telephone, skyscraper, refrigerator, car, linotype machine, electric lightbulb, typewriter, and electric motor. These inventions provided the bases for modern consumerism and industrial productivity.

In the two decades after the Civil War, the 1870s and 1880s, the economy rose at the fastest rate in its history. By the beginning of the 20th century, per capita income and industrial production in the United States led the world, with per capita incomes double those of Germany or France, and 50% higher than those of Britain.

The businessmen of the era created industrial towns and cities in the Northeast with new factories, and hired an ethnically diverse industrial working class, many of them new immigrants from Europe.

All of this growth was driven by individuals who wanted to make better lives for themselves and their families. This drive, to make money, created opportunities and remade America. In this sense, greed is positive. However, industrial leaders often manipulated their workers, keeping more profits for themselves. Long-suffering workers went on strike, or boycotted business. Labor unrest and violence were the result of this side of greed. This leads us to our question. Is greed good?

40 năm theo sau cuộc Nội chiến thường được các nhà sử học và Thời đại Mạ vàng nhắc đến. Trong thời gian này, Mỹ đã chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế ấn tượng và sự mở rộng chưa từng có của các thành phố lớn, đặc biệt là ở miền Bắc và Tây.

Đổi mới công nghệ của thời đại bao gồm điện thoại, nhà chọc trời, tủ lạnh, xe hơi, máy kiểu mẫu, bóng đèn điện, máy đánh chữ và động cơ điện. Những phát minh này cung cấp cơ sở cho tiêu dùng hiện đại và năng suất công nghiệp.

Trong hai thập kỷ sau Nội chiến, những năm 1870 và 1880, nền kinh tế tăng với tốc độ nhanh nhất trong lịch sử của nó. Vào đầu thế kỷ 20, thu nhập bình quân đầu người và sản xuất công nghiệp ở Hoa Kỳ dẫn đầu thế giới, với thu nhập bình quân đầu người tăng gấp đôi so với Đức hoặc Pháp, và cao hơn 50% so với Anh.

Các doanh nhân của thời đại đã tạo ra các thị trấn và thành phố công nghiệp ở vùng Đông Bắc với các nhà máy mới và thuê một lớp công nhân đa dạng về chủng tộc, nhiều người trong số họ là những người nhập cư mới từ châu Âu.

Tất cả sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi những cá nhân muốn tạo ra cuộc sống tốt hơn cho bản thân và gia đình của họ. Ở đây này, để kiếm tiền, tạo ra cơ hội và làm lại nước Mỹ. Theo nghĩa này, tham lam là tích cực. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo công nghiệp thường thao túng công nhân của họ, giữ nhiều lợi nhuận hơn cho chính họ. Những người lao động khổ sở đã bị đình công, hoặc tẩy chay kinh doanh. Bạo lực và bạo lực lao động là kết quả của sự tham lam này. Điều này dẫn chúng ta đến câu hỏi của chúng tôi. Tham lam có tốt không?

1

F I R S T Q U E S T I O N WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

IS GREED
GOOD?

INTRODUCTION

The great industrialists of the Gilded Age remade America. They built great transportation networks, powered the industrial revolution with oil, provided the steel needed for skyscrapers, bridges, and railroads, and financed all this growth. In this sense, they are rightly admired and the small collection of men who led the industries of the time are called captains of industry.

But another name has also been applied to the same group of men. The super-rich industrialists and financiers were called robber barons by the workers they manipulated, and the voters who watched them bribe public officials.

What follows is an introduction to a few of the great industrialists. It is up to you to decide. Were they captains of industry who benefited society, or robber barons who ultimately had a negative effect on America?

GIỚI THIỆU

Các nhà công nghiệp vĩ đại của thời kỳ Gilded làm lại nước Mỹ. Họ đã xây dựng mạng lưới giao thông tuyệt vời, hỗ trợ cuộc cách mạng công nghiệp với dầu, cung cấp thép cần thiết cho tòa nhà chọc trời, cầu và đường sắt, và tài trợ cho tất cả sự tăng trưởng này. Theo nghĩa này, họ được ngưỡng mộ đúng đắn và bộ sưu tập nhỏ những người đàn ông lãnh đạo các ngành công nghiệp thời gian được gọi là đội trưởng của ngành công nghiệp.

Nhưng một tên khác cũng đã được áp dụng cho cùng một nhóm đàn ông. Các nhà công nghiệp và các nhà tài chính siêu giàu được gọi là những tên cướp cướp bởi những người lao động của họ, và những cử tri đã theo dõi họ hối lộ các quan chức công chúng.

Sau đây là phần giới thiệu về một số nhà công nghiệp lớn. Đó là vào bạn để quyết định. Trường hợp họ là đội trưởng của ngành công nghiệp để hưởng lợi xã hội, hoặc cướp barons người cuối cùng đã có một tác động tiêu cực đến Mỹ?

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

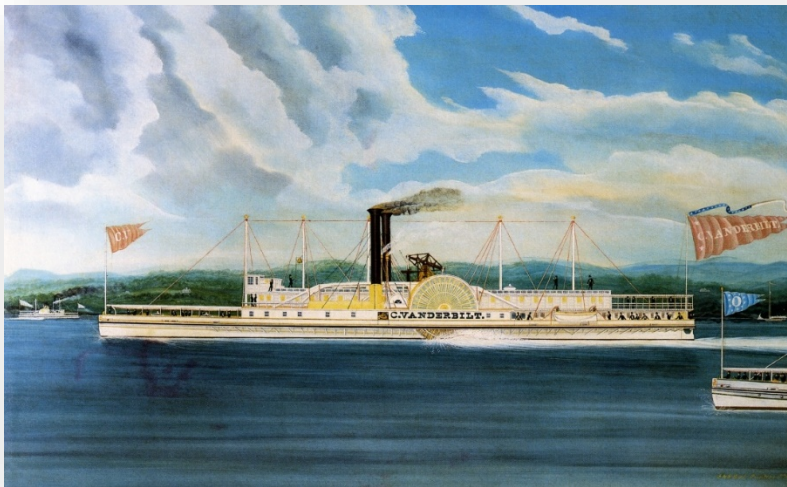
CORNELIUS VANDERBILT

Cornelius Vanderbilt was the first great American industrialist. He was born in New York in 1794, just two years before the Declaration of Independence was signed. He grew up without much formal education, but went to work in the shipping industry. Nicknamed “The Commodore” he successfully built an empire in transportation.

His first ventures in steamships proved profitable, especially because of the demand for shipping that resulted from the California Gold Rush and the Civil War. After the war, he turned his attention to railroads. He bought out competitors and assembled the New York Central Railroad. His Grand Central Depot in New York City is still one of the most impressive railroad stations in the world.

In his later years, he established a pattern of **philanthropy** that other industrialists would follow. With his fortune, he founded Vanderbilt University in Nashville, Tennessee.

His grandson eventually used the family money to build one of America’s largest private homes, the Biltmore Estate.



CORNELIUS VANDERBILT

Cornelius Vanderbilt là nhà công nghiệp vĩ đại đầu tiên của Mỹ. Ông được sinh ra ở New York vào năm 1794, chỉ hai năm trước khi Tuyên ngôn độc lập được ký kết. Ông lớn lên không có nhiều học vấn chính thức, nhưng đi làm trong ngành vận tải biển. Có biệt danh là người Hài giảo, ông đã xây dựng thành công một đế chế trong vận tải.

Liên doanh đầu tiên của ông trong tàu hơi nước tỏ ra có lợi nhuận, đặc biệt là do nhu cầu vận chuyển do California Gold Rush và Civil War gây ra. Sau chiến tranh, anh chuyển sự chú ý của mình sang đường sắt. Ông đã mua các đối thủ cạnh tranh và lắp ráp Đường sắt Trung tâm New York. Grand Central Depot của ông ở thành phố New York vẫn là một trong những nhà ga đường sắt ấn tượng nhất trên thế giới.

Trong những năm sau đó, ông đã thiết lập một mô hình từ thiện mà các nhà công nghiệp khác sẽ làm theo. Với tài sản của mình, ông thành lập Đại học Vanderbilt ở Nashville, Tennessee.

Cháu trai của ông cuối cùng đã sử dụng tiền của gia đình để xây dựng một trong những ngôi nhà riêng lớn nhất nước Mỹ, Biltmore Estate.

Primary Source: Painting

Vanderbilt’s steamship, which he named after himself.

Nguồn chính: Tranh

Tàu hơi nước của Vanderbilt mà anh tự đặt tên cho mình.

ANDREW CARNEGIE

Oil was not the only commodity in great demand during the Gilded Age. The nation also needed steel.

The railroads needed steel for their rails and cars, the navy needed steel for its new naval fleet, and cities needed steel to build skyscrapers. Every factory in America needed steel for their physical

ANDREW CARNEGIE

Dầu mỏ không phải là mặt hàng duy nhất có nhu cầu lớn trong thời kỳ hoàng gia. Quốc gia này cũng cần thép.

Các đường sắt cần thép cho đường ray và xe hơi của họ, hải quân cần thép cho đội tàu hải quân mới của nó, và các thành phố cần thép để xây dựng tòa nhà chọc trời. Mỗi nhà máy ở Mỹ cần thép cho nhà máy và máy móc

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

plant and machinery. Andrew Carnegie saw this demand and seized the moment.

Like other industrialists, **Andrew Carnegie** was not born into wealth. When he was 13, his family came to the United States from Scotland and settled in Allegheny, Pennsylvania, a small town near **Pittsburgh**. His first job was in a cotton mill, where he earned \$1.20 per week.

His talents were soon recognized and Carnegie found himself promoted to the bookkeeping side of the business. An avid reader, Carnegie spent his Saturdays in the homes of wealthy citizens who were gracious enough to allow him access to their private libraries. After becoming a telegrapher for a short while, he met the head of a railroad company who asked his services as a personal secretary.



Carnegie became a tycoon because of shrewd business tactics. Rockefeller often bought other oil companies to eliminate competition. This is a process known as **horizontal integration**. Carnegie also created a **vertical integration**. He bought railroad companies and iron mines. If he owned the rails and the mines, he could reduce his costs and produce cheaper steel.

Carnegie was a good judge of talent. His assistant, **Henry Clay Frick**, helped manage the **Carnegie Steel Company** on its way to success. Carnegie also wanted productive workers. He wanted them to feel

vật lý của họ. Andrew Carnegie nhìn thấy nhu cầu này và nắm lấy khoảnh khắc đó.

Giống như các nhà công nghiệp khác, Andrew Carnegie không được sinh ra trong sự giàu có. Khi lên 13 tuổi, gia đình anh đến Hoa Kỳ từ Scotland và định cư ở Allegheny, Pennsylvania, một thị trấn nhỏ gần Pittsburgh. Công việc đầu tiên của ông là trong một nhà máy bông, nơi ông kiếm được \$ 1,20 mỗi tuần.

Tài năng của ông đã sớm được công nhận và Carnegie thấy mình được thăng tiến về phía kế toán của doanh nghiệp. Một người đọc khao khát, Carnegie dành thứ bảy của mình trong nhà của những công dân giàu có, đủ duyên dáng để cho phép anh ta truy cập vào các thư viện riêng của họ. Sau khi trở thành một telegrapher trong một thời gian ngắn, ông đã gặp người đứng đầu của một công ty đường sắt người yêu cầu dịch vụ của mình như là một thư ký cá nhân.

Primary Source: Photograph

Inside Carnegie's Homestead Steel Mill near Pittsburgh, Pennsylvania.

Nguồn chính: Ảnh

Bên trong nhà máy thép Homestead của Carnegie gần Pittsburgh, Pennsylvania.

Carnegie trở thành một ông trùm vì chiến thuật kinh doanh khôn ngoan. Rockefeller thường mua các công ty dầu khác để loại bỏ sự cạnh tranh. Đây là một quá trình được gọi là tích hợp theo chiều ngang. Carnegie cũng tạo ra một sự tích hợp theo chiều dọc. Ông đã mua các công ty đường sắt và mỏ sắt. Nếu anh ta sở hữu đường ray và mỏ, anh ta có thể giảm chi phí và sản xuất thép rẻ hơn.

Carnegie là một thẩm phán tốt về tài năng. Trợ lý của ông, Henry Clay Frick, đã giúp quản lý Công ty thép Carnegie trên đường đến thành công. Carnegie cũng muốn công nhân sản xuất. Anh muốn họ cảm thấy rằng họ đã có được sự quan tâm đến sự thịnh vượng của

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

that they had a vested interest in company prosperity so he initiated a profit-sharing plan.

All these tactics made the Carnegie Steel Company a multi-million dollar corporation. In 1901, he sold his interests to J.P. Morgan, who paid him 500 million dollars to create U.S. Steel.

ANDREW MELLON

The son of a banker and judge, **Andrew Mellon** showed remarkable talent for investment and banking at an early age. In 1872, his father set him up in a lumber and coal business, which he soon turned into a profitable enterprise. He joined his father's banking firm, T. Mellon & Sons, in 1880 and two years later had ownership of the bank transferred to him. In 1889, Mellon helped organize the Union Trust Company and Union Savings Bank of Pittsburgh. He also branched into industrial activities: oil, steel, shipbuilding, and construction.

Areas where Mellon's backing created giant enterprises included aluminum, industrial abrasives, and coke. Mellon financed Charles Martin Hall, whose refinery grew into the Aluminum Company of America (Alcoa). He created an entire industry through his help to Heinrich Koppers, inventor of coke ovens, which transformed industrial waste into usable products such as coal-gas, coal-tar, and sulfur. Mellon also became an early investor in the New York Shipbuilding Corporation.

Mellon was one of the wealthiest people in the United States, the third-highest income-tax payer in the mid-1920s, behind John D. Rockefeller and Henry Ford.

Unlike other industrialists of his time, Andrew Mellon also served in government. He was Secretary of the Treasury throughout the 1920s under presidents Harding, Coolidge and Hoover.

Like Carnegie, Mellon also gave away large sums of his fortune. Carnegie-Mellon University was founded with the two men's money. Mellon also provided the money to establish the National Gallery of Art in Washington, DC.

J. PIERPONT MORGAN

Not all of the tycoons of the Gilded Age were rags-to-riches stories. **J. Pierpont Morgan** was born into a family of great wealth. His father had already made a name for himself in the banking industry. With Morgan's family resources, he enjoyed the finest business education money could buy.

công ty, vì thế anh đã khởi xướng một kế hoạch chia sẻ lợi nhuận.

Tất cả những chiến thuật này đã khiến Công ty thép Carnegie trở thành một tập đoàn đa triệu đô la. Năm 1901, ông bán quyền lợi của mình cho J.P. Morgan, người đã trả 500 triệu đô la để tạo ra thép của Mỹ.

ANDREW MELLON

Con trai của một chủ ngân hàng và thẩm phán, Andrew Mellon cho thấy tài năng vượt trội về đầu tư và ngân hàng khi còn nhỏ. Vào năm 1872, cha ông đã thành lập công ty kinh doanh gỗ và than, và ông nhanh chóng trở thành một doanh nghiệp có lợi nhuận. Ông gia nhập công ty ngân hàng của cha mình, T. Mellon & Sons, vào năm 1880 và hai năm sau đó đã sở hữu ngân hàng được chuyển cho ông. Năm 1889, Mellon đã giúp tổ chức Union Trust Company và Union Savings Bank of Pittsburgh. Ông cũng phân nhánh thành các hoạt động công nghiệp: dầu, thép, đóng tàu và xây dựng.

Những lĩnh vực mà sự ủng hộ của Mellon đã tạo ra những doanh nghiệp khổng lồ bao gồm nhôm, chất mài mòn công nghiệp và than cốc. Mellon đã tài trợ cho Charles Martin Hall, nhà máy lọc dầu của ông đã phát triển thành Công ty Nhôm của Mỹ (Alcoa). Ông đã tạo ra toàn bộ ngành thông qua sự giúp đỡ của mình cho Heinrich Koppers, nhà phát minh ra lò nung than cốc, đã biến chất thải công nghiệp thành các sản phẩm có thể sử dụng như than đá, than đá và lưu huỳnh. Mellon cũng đã trở thành một nhà đầu tư ban đầu trong Tổng công ty đóng tàu New York.

Mellon là một trong những người giàu nhất ở Hoa Kỳ, người nộp thuế thu nhập cao thứ ba vào giữa những năm 1920, sau John D. Rockefeller và Henry Ford.

Không giống như các nhà công nghiệp khác trong thời đại của mình, Andrew Mellon cũng phục vụ trong chính phủ. Ông là Bộ trưởng Bộ Tài chính suốt những năm 1920 dưới thời Tổng thống Harding, Coolidge và Hoover.

Giống như Carnegie, Mellon cũng đã cho đi một số tiền lớn của tài sản của mình. Đại học Carnegie-Mellon được thành lập với số tiền của hai người. Mellon cũng cung cấp tiền để thành lập Phòng trưng bày Nghệ thuật Quốc gia ở Washington, DC.

J. PIERPONT MORGAN

Không phải tất cả các ông trùm của thời đại Gilded đều là những câu chuyện rách rưới. J. Pierpont Morgan được sinh ra trong một gia đình giàu có. Cha anh đã tự đặt tên cho mình trong ngành ngân hàng. Với nguồn lực gia đình của Morgan, ông rất thích tiền học vấn kinh doanh tốt nhất có thể mua.

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

He did not scratch and claw his way to the top of any corporate ladder. His father arranged for an executive track position at one of New York's finest banks. Regardless of his family's advantages, Morgan had a great mind of his own. He set out to conquer the financial world, and conquer it he did.

Morgan's first business ventures were in banking. By 1860, he had already established his own foreign exchange office. He knew the power of investment. Not content to control just the banking industry, he bought many smaller ventures to make money.

During the Civil War, he paid the legally allowed fee to purchase a substitute soldier and evaded military service. Morgan made handsome profits by providing war materials.

After the war, he set out to corner the nation's financial markets. When the Panic of 1873 rocked the nation's economy, Morgan protected himself wisely and emerged in the aftermath as the king of American finance.

Despite his label as a robber baron, Morgan felt his investments benefited America. His railroad dealings helped consolidate many smaller, mismanaged firms, resulting in shorter trips and more dependable service. Two times during financial panics he allowed the federal government to purchase his vast gold supplies to stop the spiral of deflation.

He owned a bridge company and a tubing company. His most renowned purchase was in 1901, when he bought the Carnegie Steel Company for \$500 million to create **U.S. Steel**. Within ten years U.S. Steel was worth over a billion dollars.

Morgan's actions marked a shift in thinking among American industrialists. He proved that it was not necessary to be a builder to be successful. Smart investment and efficient consolidation could yield massive profits. Young entrepreneurs shifted their goals to banking in the hopes of mirroring Morgan's success.

For all his accomplishments, he was harshly criticized. The first decade of the twentieth century brought challenges to Morgan from the government. His Northern Securities Railroad company was deemed illegal under federal antitrust law, the first such action by the national government. He was investigated by Congress for his control of the financial markets. Even U.S. Steel was forced to relinquish its monopoly.

Jaded by the criticism, Morgan moved to Europe, where he lived his final days. He was a favorite target of intellectuals who claimed that

Anh ta không gãi đầu và vuốt theo cách của mình lên đỉnh của bất kỳ cái thang nào của công ty. Bố anh đã sắp xếp một vị trí điều hành tại một trong những ngân hàng tốt nhất của New York. Bất kể những lợi thế của gia đình mình, Morgan có một tâm trí tuyệt vời của riêng mình. Ông đã đặt ra để chinh phục thế giới tài chính, và chinh phục nó, ông đã làm.

Các dự án kinh doanh đầu tiên của Morgan là ngân hàng. Đến năm 1860, ông đã thành lập văn phòng ngoại hối của riêng mình. Anh biết sức mạnh của đầu tư. Không phải nội dung để kiểm soát ngành ngân hàng, ông đã mua nhiều công ty nhỏ hơn để kiếm tiền.

Trong cuộc Nội chiến, anh ta đã trả phí được phép hợp pháp để mua một người lính thay thế và trốn dịch vụ quân sự. Morgan tạo ra lợi nhuận đẹp trai bằng cách cung cấp vật liệu chiến tranh.

Sau chiến tranh, ông quyết định đứng đầu các thị trường tài chính của quốc gia. Khi Panic năm 1873 làm rung chuyển nền kinh tế của đất nước, Morgan tự bảo vệ mình một cách khôn ngoan và nổi lên sau hậu quả là vua tài chính Mỹ.

Mặc dù nhãn hiệu của mình là một kẻ cướp, Morgan cảm thấy đầu tư của mình được hưởng lợi từ Mỹ. Các giao dịch đường sắt của ông đã giúp củng cố nhiều công ty nhỏ hơn, bị quản lý kém, dẫn đến các chuyến đi ngắn hơn và dịch vụ đáng tin cậy hơn. Hai lần trong thời kỳ khủng hoảng tài chính, ông đã cho phép chính phủ liên bang mua các vật tư vàng khổng lồ của mình để ngăn chặn sự xoắn ốc giảm phát.

Ông sở hữu một công ty cầu và một công ty ống. Mua hàng nổi tiếng nhất của ông là vào năm 1901, khi ông mua Công ty thép Carnegie với giá 500 triệu đô la để tạo ra thép của Mỹ. Trong vòng mười năm, Thép Hoa Kỳ trị giá hơn một tỉ đô la.

Hành động của Morgan đánh dấu một sự thay đổi trong suy nghĩ giữa các nhà công nghiệp Mỹ. Ông đã chứng minh rằng nó không phải là cần thiết để trở thành một người xây dựng thành công. Đầu tư thông minh và hợp nhất hiệu quả có thể mang lại lợi nhuận khổng lồ. Các doanh nhân trẻ chuyển mục tiêu sang ngân hàng với hy vọng phản ánh thành công của Morgan.

Đối với tất cả những thành tựu của mình, anh bị chỉ trích gay gắt. Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX đã mang lại những thách thức cho Morgan từ chính phủ. Công ty Đường sắt Chứng khoán phía Bắc của ông bị coi là bất hợp pháp theo luật chống độc quyền của liên bang, là hành động đầu tiên của chính phủ quốc gia. Ông đã được Quốc hội điều tra để kiểm soát thị trường tài chính. Ngay cả thép Mỹ cũng bị buộc phải từ bỏ quyền độc quyền của mình.

Bị chỉ trích bởi những lời chỉ trích, Morgan chuyển đến châu Âu, nơi anh sống những ngày cuối cùng của mình. Ông là một mục tiêu yêu thích của trí thức đã tuyên bố rằng các ông trùm như vậy đã cướp đoạt người nghèo

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

such tycoons robbed the poor of their deserved wealth. He was a hero to enterprising financiers across the land who dreamed of following his example. That is, of course, unless they were destroyed by his shrewd, fierce tactics.

By the time of his death, J. P. Morgan owned or partially owned multiple railroads, General Electric, the American Bridge Company, and AT&T. His investment bank survives today in the form of MorganStanley.



của cái của họ. Ông là một anh hùng để tài trợ cho các nhà tài chính trên khắp đất, những người mơ ước theo gương của ông. Đó là, tất nhiên, trừ khi họ đã bị phá hủy bởi chiến thuật khôn ngoan, khôn ngoan của mình.

Vào thời điểm ông qua đời, J. P. Morgan sở hữu hoặc sở hữu một phần nhiều đường sắt, General Electric, American Bridge Company, và AT & T. Ngân hàng đầu tư của ông tồn tại ngày hôm nay dưới hình thức MorganStanley.

Primary Source: Photograph

The Homestead steelworks. It was the center of Carnegie Steel and the U.S. Steel after J.P. Morgan purchased the company.

Nguồn chính: Ảnh

Các xưởng thép Homestead. Đó là trung tâm của Carnegie Steel và US Steel sau khi J.P. Morgan mua lại công ty.

JOHN D. ROCKEFELLER

He was America's first billionaire.

In a pure sense, the goal of any capitalist is to make money. And **John D. Rockefeller** could serve as the poster child for capitalism. Overcoming humble beginnings, Rockefeller had the vision and the drive to become the richest person in America.

At the turn of the century, when the average worker earned \$8 to \$10 per week, Rockefeller was worth millions.

Whatever conclusions can be drawn, Rockefeller's impact on the American economy demands recognition.

Rockefeller was born in 1839 in Moravia, a small town in western New York. His father practiced herbal medicine, professing to cure patients with remedies he had created from plants in the area. John's mother instilled a devout Baptist faith in the boy, a belief system he took to his grave. After graduating from high school in 1855, his family sent him to a Cleveland business school.

JOHN D. ROCKEFELLER

Ông là tỷ phú đầu tiên của Mỹ.

Theo nghĩa thuần túy, mục tiêu của bất kỳ nhà tư bản nào là kiếm tiền. Và John D. Rockefeller có thể phục vụ như là đứa trẻ poster cho chủ nghĩa tư bản. Vượt qua những khởi đầu khiêm tốn, Rockefeller có tầm nhìn và động lực trở thành người giàu nhất nước Mỹ.

Vào cuối thế kỷ, khi công nhân trung bình kiếm được 8 đến 10 đô la mỗi tuần, Rockefeller đáng giá hàng triệu đô la.

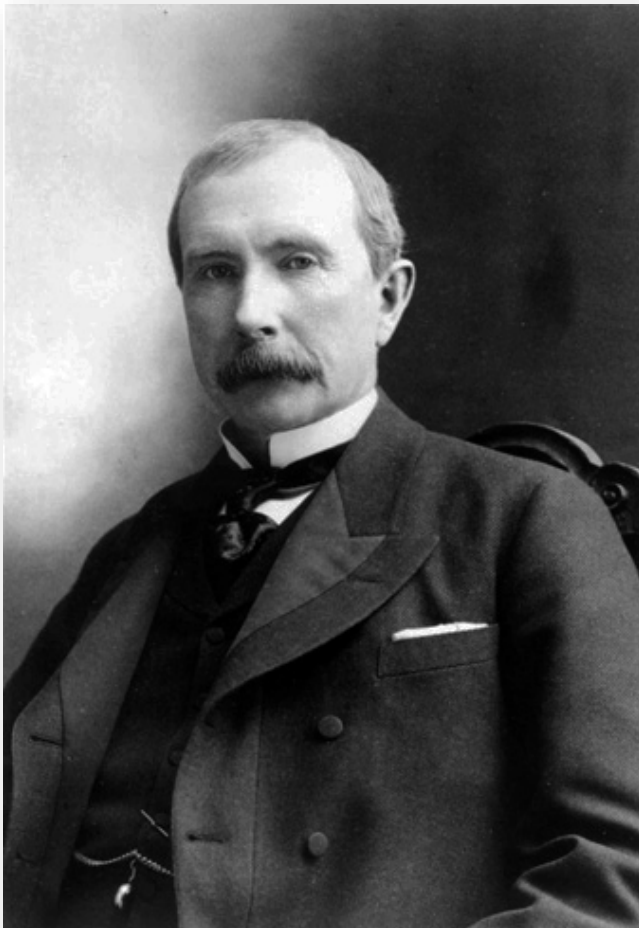
Dù kết luận có thể được rút ra, tác động của Rockefeller đối với nền kinh tế Mỹ đòi hỏi sự công nhận.

Rockefeller sinh năm 1839 tại Moravia, một thị trấn nhỏ ở miền tây New York. Cha ông đã thực hành thuốc thảo dược, đào tạo để chữa bệnh cho bệnh nhân với các biện pháp khắc phục mà ông đã tạo ra từ thực vật trong khu vực. Mẹ của John thấm nhuần một đức tin Báp-tít sùng đạo trong cậu bé, một hệ thống niềm tin mà ông đã mang đến mộ của mình. Sau khi tốt nghiệp trung học

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

IS GREED
GOOD?

Young John Rockefeller entered the workforce on the bottom rung of the ladder as a clerk in a Cleveland shipping firm. Always thrifty, he saved enough money to start his own business in produce sales. When the Civil War came, the demand for his goods increased dramatically. Rockefeller took advantage of the opportunity and amassed himself a small fortune.



năm 1855, gia đình anh gửi anh đến một trường kinh doanh Cleveland.

Young John Rockefeller bước vào lực lượng lao động ở bậc thang dưới cùng của chiếc thang như một nhân viên bán hàng tại một hãng vận tải Cleveland. Luôn tiết kiệm, anh đã tiết kiệm đủ tiền để bắt đầu công việc kinh doanh của mình trong việc bán sản phẩm. Khi Nội chiến đến, nhu cầu về hàng hóa của ông tăng lên đáng kể. Rockefeller tận dụng cơ hội và tích lũy cho mình một tài sản nhỏ.

Primary Source: Photograph

John D. Rockefeller at the height of his power and influence. In later years he turned control of his company over to his sons and lieutenants. He became an avid golfer and retired to Florida.

Nguồn chính: Ảnh

John D. Rockefeller ở đỉnh cao sức mạnh và ảnh hưởng của anh ta. Trong những năm sau đó, ông đã kiểm soát công ty của mình cho các con trai và các trung úy của mình. Anh ta trở thành một tay golf khao khát và về hưu ở Florida.

He took advantage of the loophole in the Union draft law by purchasing a substitute to avoid military service. When Edwin Drake discovered oil in 1859 in **Titusville, Pennsylvania**, Rockefeller saw the future. He slowly sold off his other interests and became convinced that refining oil would bring him great wealth.

Rockefeller introduced techniques that totally reshaped the oil industry. In the mid-19th century, the chief demand was for kerosene. In the refining process, there are many by-products when

Ông đã lợi dụng lỗ hổng trong luật dự thảo của Liên minh bằng cách mua thay thế để tránh dịch vụ quân sự. Khi Edwin Drake phát hiện ra dầu vào năm 1859 ở Titusville, Pennsylvania, Rockefeller đã nhìn thấy tương lai. Ông từ bỏ bán ra những lợi ích khác của mình và bị thuyết phục rằng việc lọc dầu sẽ mang lại cho ông sự giàu có lớn lao.

Rockefeller giới thiệu các kỹ thuật hoàn toàn định hình lại ngành công nghiệp dầu mỏ. Vào giữa thế kỷ 19, nhu cầu chính là dầu hỏa. Trong quá trình tinh luyện, có nhiều sản phẩm phụ khi dầu thô được chuyển thành dầu

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

crude oil is converted to kerosene. What others saw as waste, Rockefeller saw as gold. He sold one byproduct, paraffin to candle makers, and another byproduct, petroleum jelly, to medical supply companies. He even sold off other “waste” as paving materials for roads. He shipped so many goods that railroad companies drooled over the prospect of getting his business.

Rockefeller demanded **rebates**, or discounted rates, from the railroads. In exchange, he offered guaranteed the friendly railroad the right to ship his oil. He used all these methods to reduce the price of oil to his consumers. His profits soared and his competitors were crushed one by one. Rockefeller forced smaller companies to surrender their stock to his control.

Instead of buying his competitors, Rockefeller bought their stock. In this way, he controlled all of the business without consumers knowing who was really benefiting from their patronage. Also, Rockefeller did not have to do the day-to-day work of managing all of the businesses he controlled. However, by eliminating competition, he could guarantee profits.

This sort of arrangement is called a **trust**. A trust is a combination of firms formed by legal agreement. Trusts often reduce fair business competition. As a result of Rockefeller’s shrewd business practices, his large corporation, the **Standard Oil Corporation**, became the largest business in America.

As the new century dawned, Rockefeller’s investments mushroomed. With the advent of the automobile, gasoline replaced kerosene as the number one petroleum product. Rockefeller was a bona fide billionaire. Critics charged that his labor practices were unfair. Employees pointed out that he could have paid his workers a fairer wage and settled for being a half-billionaire.

Before his death in 1937, Rockefeller gave away nearly half of his fortune. Churches, medical foundations, universities, and centers for the arts received hefty sums of oil money. Whether he was driven by good will, conscience, or his devout faith in God is unknown. Regardless, he became a hero to many enterprising Americans.

OTHER INDUSTRIALISTS

Marshall Field of Chicago was the founder of Marshall Field and Company, a major department store chain. His business was renowned for its then-exceptional level of quality and customer service. Eventually, his company merged with Macy’s. Field is also known for some of his philanthropic donations, providing funding for

hỏa. Những gì người khác thấy là chất thải, Rockefeller thấy vàng. Ông đã bán một sản phẩm phụ, paraffin cho các nhà sản xuất nến, và một sản phẩm phụ khác, dầu mỡ jelly, cho các công ty cung cấp y tế. Ông thậm chí còn bán hết “chất thải” khác làm vật liệu lát đường. Ông đã vận chuyển rất nhiều hàng hóa mà các công ty đường sắt chảy nước dãi về triển vọng kinh doanh của mình.

Rockefeller yêu cầu giảm giá, hoặc giảm giá, từ đường sắt. Đổi lại, ông đề nghị đảm bảo đường sắt thân thiện có quyền vận chuyển dầu của mình. Ông đã sử dụng tất cả các phương pháp này để giảm giá dầu cho người tiêu dùng của mình. Lợi nhuận của anh tăng vọt và các đối thủ của anh bị nghiền nát từng người một. Rockefeller buộc các công ty nhỏ hơn phải đầu hàng cổ phiếu của mình để kiểm soát.

Thay vì mua đối thủ cạnh tranh của mình, Rockefeller đã mua cổ phiếu của họ. Bằng cách này, ông kiểm soát tất cả các doanh nghiệp mà không cần người tiêu dùng biết ai thực sự được hưởng lợi từ sự bảo trợ của họ. Ngoài ra, Rockefeller không phải làm công việc hàng ngày để quản lý tất cả các doanh nghiệp mà ông kiểm soát. Tuy nhiên, bằng cách loại bỏ cạnh tranh, anh ta có thể đảm bảo lợi nhuận.

Kiểu sắp xếp này được gọi là sự tin tưởng. Sự tin tưởng là sự kết hợp của các doanh nghiệp được hình thành theo thỏa thuận pháp lý. Tín thác thường làm giảm cạnh tranh kinh doanh công bằng. Theo kết quả của các hoạt động kinh doanh thông minh của Rockefeller, tập đoàn lớn của ông, tập đoàn Standard Oil, đã trở thành doanh nghiệp lớn nhất ở Mỹ.

Khi thế kỷ mới bắt đầu, các khoản đầu tư của Rockefeller đã mọc lên. Với sự ra đời của ô tô, xăng thay thế dầu hỏa là sản phẩm dầu mỏ số một. Rockefeller là một tỷ phú đầy nhiệt huyết. Các nhà phê bình buộc tội rằng thực hành lao động của ông là không công bằng. Nhân viên chỉ ra rằng anh ta có thể trả lương cho công nhân của mình một cách công bằng hơn và định cư là một nửa tỷ phú.

Trước khi qua đời vào năm 1937, Rockefeller đã cho đi gần một nửa tài sản của mình. Các nhà thờ, cơ sở y tế, trường đại học và trung tâm nghệ thuật đã nhận được một khoản tiền khổng lồ từ tiền dầu. Cho dù anh ta bị thúc đẩy bởi ý chí thiện chí, lương tâm, hay đức tin mộ đạo của anh ta trong Đức Chúa Trời thì không rõ. Bất kể, anh đã trở thành một anh hùng đối với nhiều người Mỹ.

CÁC CÔNG NGHIỆP KHÁC

Marshall Field of Chicago là người sáng lập Marshall Field and Company, một chuỗi cửa hàng bách hóa lớn. Doanh nghiệp của ông nổi tiếng về chất lượng và dịch vụ khách hàng tuyệt vời. Cuối cùng, công ty của ông sáp nhập với Macy. Field cũng được biết đến với một số đóng góp từ thiện của ông, cung cấp tài trợ cho Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Field và quyên góp đất đai cho khuôn viên của Đại học Chicago.

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

the Field Museum of Natural History and donating land for the campus of the University of Chicago.

Leland Stanford was an industrialist and politician who migrated to California from New York at the time of the Gold Rush. He became a successful merchant and wholesaler, and built a business empire. He spent one two-year term as Governor of California after his election in 1861, and later eight years as a senator from the state. As president of Southern Pacific Railroad and, beginning in 1861, Central Pacific, he had tremendous power in the region and a lasting impact on California. He and his wife founded Stanford University.

Leland Stanford là một nhà công nghiệp và chính trị gia di cư đến California từ New York vào thời điểm cơn sốt vàng. Ông trở thành một thương nhân và người bán sỉ thành công và xây dựng một đế chế kinh doanh. Ông đã dành một nhiệm kỳ hai năm làm Thống đốc bang California sau khi được bầu vào năm 1861, và sau đó tám năm làm thượng nghị sĩ từ tiểu bang. Là chủ tịch của Đường sắt Nam Thái Bình Dương và, bắt đầu từ năm 1861, Trung Thái Bình Dương, ông có quyền lực to lớn trong khu vực và tác động lâu dài đến California. Anh và vợ anh thành lập Đại học Stanford.



Primary Source: Photograph

William Clark's mansion on 5th Avenue in New York City. The stretch of road became known as "Millionaires' Row" because of the numerous mansions built there by the super-rich of the Gilded Age.

Nguồn chính: Ảnh

Biệt thự của William Clark trên đại lộ số 5 ở thành phố New York. Đoạn đường được gọi là "Hàng triệu phú" vì có rất nhiều biệt thự được xây dựng ở đó bởi những người siêu giàu của thời kỳ Gilded.

William Clark started his career as a miner and merchant during the heady days of the gold rush. Eventually, he made his way to Butte, Montana, where he built a mining empire based on copper. Known as the "Copper King," Clark eventually also became a senator,

William Clark bắt đầu sự nghiệp của mình với tư cách là thợ mỏ và thương gia trong những ngày trọng đại của cuộc chạy đua vàng. Cuối cùng, ông đã tìm đường đến Butte, Montana, nơi xây dựng một đế chế khai thác dựa trên đồng. Được biết đến với cái tên "Đồng Vua", Clark cuối cùng cũng trở thành thượng nghị sĩ, mặc dù người

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

IS GREED
GOOD?

although it was widely known that he had purchased the honor by bribing Montana legislators.

CONCLUSION

They built the industrial America that we know today. In that sense, they can rightly be heralded as **captain of industry**. They certainly demonstrated impressive talent for business, leadership and investment, and many of them gave away large portions of their fortunes to benefit society. Or, should he be demonized as a **robber barons** who exploited poor immigrant workers, unjustly enriched themselves, and manipulated government to their advantage?

What do you think? Were they robber barons or captains of industry?

ta biết rằng ông đã mua vinh dự bằng cách hối lộ các nhà lập pháp Montana.

PHẦN KẾT LUẬN

Họ xây dựng nước Mỹ công nghiệp mà chúng ta biết ngày nay. Theo nghĩa đó, họ có thể được báo trước là đội trưởng của ngành công nghiệp. Họ chắc chắn đã chứng minh tài năng ấn tượng cho doanh nghiệp, lãnh đạo và đầu tư, và nhiều người trong số họ đã cho đi phần lớn vận mệnh của mình để mang lại lợi ích cho xã hội. Hay, anh ta có nên bị quỷ hóa như một kẻ cướp người khai thác công nhân nhập cư nghèo, tự làm giàu một cách bất công, và thao túng chính phủ cho lợi thế của họ?

Bạn nghĩ sao? Họ cướp tên trùm hay thuyền trưởng của ngành công nghiệp ở đâu?

1 WERE THEY CAPTAINS OF INDUSTRY OR ROBBER BARONS?

SUMMARY

In the decades after the Civil War, the industrial revolution exploded in the North. This period saw a rise in consolidation and the development of monopolies dominated by extraordinarily wealthy industrialists.

Cornelius Vanderbilt dominated the transportation industry. He started with ferries, but later owned the New York Central Railroad. He was the first to start giving away his fortune. His money built Vanderbilt University.

Andrew Carnegie consolidated the steel industry. Pittsburg grew as the center of the steel industry. Carnegie sold his steel empire to J.P. Morgan in 1901. He gave his money away to build libraries, universities and Carnegie Hall in New York City.

Andrew Mellon was a leader in the banking industry. He also served in government as Secretary of the Treasury. He gave his money to build the National Art Gallery in Washington, DC.

J.P. Morgan was also a banker. He bought Carnegie's steel company and renamed it US Steel. He also owned controlling stakes in General Electric, AT&T and numerous railroads.

John D. Rockefeller was the nation's richest man. He owned Standard Oil. He pioneered the use of trusts as a way to avoid antitrust laws. Rockefeller gave his money away to build universities and hospitals.

Other great industrialists of the time included Marshall Field who owned a department store chain and Leland Stanford who owned land and railroads in California. Stanford University was built with his money. William Clark dominated copper mining.

People who admired these men called them captains of industry. Those who criticized them for their underhanded competitive tactics and mistreatment of workers called them robber barons.

Some of these industrialists tried to dominate all of one stage of a business. For example, Clark bought all of the copper mines. This is a horizontal monopoly. Others bought one company at each stage of business. Carnegie bought a steel mine, iron ore mine, railroad and ships. This is a vertical monopoly. Rockefeller used trusts to high his businesses. In this way, he controlled many companies that the public thought were competitors.

TÓM LƯỢC

Trong những thập kỷ sau Nội chiến, cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ ở miền Bắc. Thời kỳ này chứng kiến sự gia tăng trong hợp nhất và sự phát triển của các độc quyền bị chi phối bởi các nhà công nghiệp cực kỳ giàu có.

Cornelius Vanderbilt thống trị ngành vận tải. Anh nhìn chằm chằm bằng phà, nhưng sau đó sở hữu Đường sắt Trung tâm New York. Ông là người đầu tiên bắt đầu cho đi tài sản của mình. Tiền của ông xây dựng Đại học Vanderbilt.

Andrew Carnegie củng cố ngành công nghiệp thép. Cẩmburg phát triển như là trung tâm của ngành công nghiệp thép. Carnegie đã bán đế chế thép của mình cho J.P. Morgan vào năm 1901. Ông đã bỏ tiền của mình để xây dựng thư viện, trường đại học và Carnegie Hall ở thành phố New York.

Andrew Mellon là một nhà lãnh đạo trong ngành ngân hàng. Ông cũng từng phục vụ trong chính phủ với tư cách là Bộ trưởng Tài chính. Ông đã cho tiền của mình để xây dựng Phòng trưng bày nghệ thuật quốc gia ở Washington, DC.

J.P. Morgan cũng là một nhân viên ngân hàng. Ông đã mua công ty thép Carnegie, và đổi tên thành US Steel. Ông cũng sở hữu cổ phần kiểm soát tại General Electric, AT & T và nhiều tuyến đường sắt.

John D. Rockefeller là người giàu nhất quốc gia. Ông sở hữu dầu tiêu chuẩn. Ông tiên phong trong việc sử dụng tín thác như một cách để tránh luật chống độc quyền. Rockefeller đã bỏ tiền của mình để xây dựng các trường đại học và bệnh viện.

Các nhà công nghiệp vĩ đại khác thời bấy giờ bao gồm Marshall Field, người sở hữu một chuỗi cửa hàng bách hóa và Leland Stanford, người sở hữu đất đai và đường sắt ở California. Đại học Stanford được xây dựng bằng tiền của mình. William Clark thống trị khai thác đồng.

Những người ngưỡng mộ những người đàn ông này gọi họ là đội trưởng của ngành công nghiệp. Những người chỉ trích họ vì chiến thuật cạnh tranh ngầm và ngược đãi công nhân gọi họ là những ông trùm ăn trộm.

Một số trong những nhà công nghiệp này đã cố gắng thống trị tất cả một giai đoạn của một doanh nghiệp. Ví dụ, Clark đã mua tất cả các mỏ đồng. Đây là một độc quyền ngang. Những người khác đã mua một công ty ở mỗi giai đoạn kinh doanh. Carnegie đã mua một mỏ thép, mỏ quặng sắt, đường sắt và tàu. Đây là một độc quyền dọc. Rockefeller đã sử dụng niềm tin để nâng cao doanh nghiệp của mình. Bằng cách này, ông đã kiểm soát nhiều công ty mà công chúng nghĩ là đối thủ cạnh tranh.



KEY CONCEPTS

Philanthropy: Giving money. For example, Carnegie donated much of his fortune to build libraries around the world.

Horizontal Integration: A type of monopoly in which one business controls all of one stage of an industry. For example: Carnegie owned all of the steel mills.

Vertical Integration: A type of monopoly in which a business undercuts its competitors by owning a company at each stage of an industry. For example: Carnegie owned mines, ships, railroads, and steel mills.

Rebate: Money paid back as an incentive. For example, railroad companies gave Rockefeller these in exchange for the exclusive right to ship his oil.

Trust: A legal business entity that owns other companies. Industrialists used these to avoid taxes, laws restricting business practices, and to hide the integration of the many elements of their empires.

Captain of Industry: Nickname for the industrialists of the Gilded Age. It alludes to the fact that they led great enterprises and advanced the quality of life for many Americans.

Robber Baron: Derogatory nickname for the industrialists of the Gilded Age. It refers to the unfair business practices they engaged in and their mistreatment of workers.



PEOPLE AND GROUPS

Cornelius Vanderbilt: American business leader who made a fortune in the shipping and railroad business in the 1800s. Known as the Commodore, he owned the New York Central Railroad and built New York City's Grand Central Terminal.

Andrew Carnegie: Industrialist who monopolized the steel industry.

Henry Clay Frick: Carnegie's top assistant. An industrialist in his own right, he owned the coke mines used to power the Carnegie steel operation.

Andrew Mellon: American financier. He was so wealthy he bailed out the U.S. government during financial crisis.

J.P. Morgan: American financier who purchased Carnegie Steel. His businesses were the target of antitrust lawsuits.

John D. Rockefeller: American industrialist who dominated the oil business. He was the richest man in America.

Marshall Field: American industrialist who dominated the department store industry. His chain of stores was based in Chicago, Illinois.

Leland Stanford: Industrialist and politician who made his fortune in California during the Gold Rush. He went on to be president of the Southern Pacific Railroad and Governor of California.

William Clark: Industrialist who dominated the copper mining industry. He was known as the "Copper King."



LOCATIONS

Pittsburg, Pennsylvania: City in western Pennsylvania that was home to America's steel industry.

Titusville, Pennsylvania: Site of the first oil wells in America. Rockefeller got his start refining the oil found here.



COMPANIES

Carnegie Steel Company: Andrew Carnegie's steel business. Later known as U.S. Steel after it was purchased by J.P. Morgan.

U.S. Steel: Name given to Carnegie Steel after it was purchased by J.P. Morgan.

Standard Oil Corporation: John D. Rockefeller's petroleum business.

2

S E C O N D Q U E S T I O N DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

IS GREED
GOOD?

INTRODUCTION

The Gilded Age was a time during which a few people controlled most of America's money. This inequality has repeated itself a various times in America's history, including in the present. Wealth is often seen as a mark of success and the industrialists were either looked up to or reviled for their extravagant wealth, but certainly respected for the power their wealth bought.

Politicians in the Gilded Age understood the power of money. Many of them took money for business owners in exchange for favors. Bribery was common, and corruption in city government was so prevalent that it was practiced openly.

But the great monopolies of the past do not exist today, and although there are still dishonest politicians who take bribes for favors, our current situation is far better than the days of the Gilded Age. So, money did not always win out.

What do you think? Does money make you powerful?

GIỚI THIỆU

Thời đại Mạ vàng là thời gian mà một số người kiểm soát phần lớn tiền của nước Mỹ. Sự bất bình đẳng này đã lặp lại chính nó một thời điểm khác nhau trong lịch sử nước Mỹ, kể cả trong hiện tại. Sự giàu có thường được coi là một dấu hiệu của sự thành công và các nhà công nghiệp đã hoặc đang nhìn lên hoặc bị quở trách vì sự giàu có xa hoa của họ, nhưng chắc chắn tôn trọng quyền lực mà tài sản của họ đã mua.

Các chính trị gia trong Thời đại Mạ vàng hiểu được sức mạnh của tiền bạc. Nhiều người trong số họ đã lấy tiền cho chủ doanh nghiệp để đổi lấy ân huệ. Bribery là phổ biến, và tham nhũng trong chính quyền thành phố là rất phổ biến mà nó đã được thực hành công khai.

Nhưng những độc quyền vĩ đại của quá khứ không tồn tại ngày nay, và mặc dù vẫn còn những chính trị gia không trung thực nhận hối lộ ủng hộ, tình hình hiện tại của chúng ta còn tốt hơn nhiều so với thời đại của thời đại Mạ Vàng. Vì vậy, tiền không phải lúc nào cũng thắng.

Bạn nghĩ sao? Tiền có làm cho bạn mạnh mẽ không?

THE FORGETTABLE PRESIDENTS

The Gilded Age is usually remembered for the accomplishments of thousands of American thinkers, inventors, entrepreneurs, writers, and promoters of social justice. Few politicians had an impact on the tremendous change transforming America. The Presidency was at an all-time low in power and influence, and the Congress was rife with corruption. State and city leaders shared in the graft, and the public was kept largely unaware. Much like in the colonial days, Americans were not taking their orders from the top; rather, they were building a new society from its foundation.

The American Presidents who resided in the White House from the end of the Civil War until the 1890s are sometimes called the Forgettable Presidents. A case-by-case study helps illustrates this point.

Andrew Johnson was so hated he was impeached and would have been removed from office were it not for a single Senate vote.

Ulysses S. Grant was a war hero but was unprepared for public office. He had not held a single elected office prior to the Presidency and was totally naive to the workings of Washington. He relied heavily on the advice of insiders who were stealing public money. His secretary of war sold Native American land to investors and pocketed public money. His private secretary worked with officials in the Treasury Department to steal money raised from the tax on whiskey.

Many members of his Administration were implicated in the **Crédit Mobilier Scandal**, which defrauded the American public of common land. Grant himself seemed above these scandals, but lacked the political skill to control his staff or replace them with officers of integrity.

His successor was **Rutherford B. Hayes**. Hayes himself had tremendous integrity, but his Presidency was weakened by the means of his election. After the electoral votes were counted, his opponent, Samuel Tilden, already claimed a majority of the popular vote and needed just one electoral vote to win. Hayes needed twenty. Precisely twenty electoral votes were in dispute because the states submitted double returns — one proclaiming Hayes the victor, the other Tilden. A Republican-biased electoral commission awarded all 20 electoral votes to the Republican Hayes, and he won by just one electoral vote.

While he was able to claim the White House, many considered his election a fraud, and his power to rule was diminished.

CÁC CHỦ TỊCH CÓ THỂ QUẢN LÝ

The Age Gilded thường được nhớ đến cho những thành tựu của hàng ngàn nhà tư tưởng, nhà phát minh, doanh nhân, nhà văn và người quảng bá về công bằng xã hội của Mỹ. Vài chính trị gia có ảnh hưởng đến sự thay đổi to lớn đang biến đổi nước Mỹ. Tổng thống đã ở mức thấp nhất mọi thời đại về quyền lực và ảnh hưởng, và Quốc hội tràn đầy tham nhũng. Các nhà lãnh đạo tiểu bang và thành phố chia sẻ trong ghép, và công chúng đã được giữ phần lớn không biết. Cũng giống như trong những ngày thuộc địa, người Mỹ đã không nhận đơn đặt hàng của họ từ đầu; thay vào đó, họ đã xây dựng một xã hội mới từ nền tảng của nó.

Các tổng thống Mỹ cư trú tại Nhà Trắng từ khi kết thúc cuộc nội chiến cho đến những năm 1890 đôi khi được gọi là các tổng thống đáng quên. Nghiên cứu từng trường hợp giúp minh họa điểm này.

Andrew Johnson rất căm ghét ông đã bị luận tội và sẽ bị đuổi ra khỏi văn phòng vì nó không phải cho một lá phiếu Thượng viện duy nhất.

Ulysses S. Grant là một anh hùng chiến tranh nhưng không chuẩn bị cho văn phòng công cộng. Ông đã không tổ chức một văn phòng được bầu trước Tổng thống và hoàn toàn ngây thơ trước những hoạt động của Washington. Ông dựa rất nhiều vào lời khuyên của những người trong cuộc đang ăn cắp tiền công. Thư ký chiến tranh của ông bán đất thổ dân Mỹ cho các nhà đầu tư và bỏ tiền công. Thư ký riêng của ông đã làm việc với các quan chức trong Bộ Tài chính để lấy tiền từ thuế trên rượu whisky.

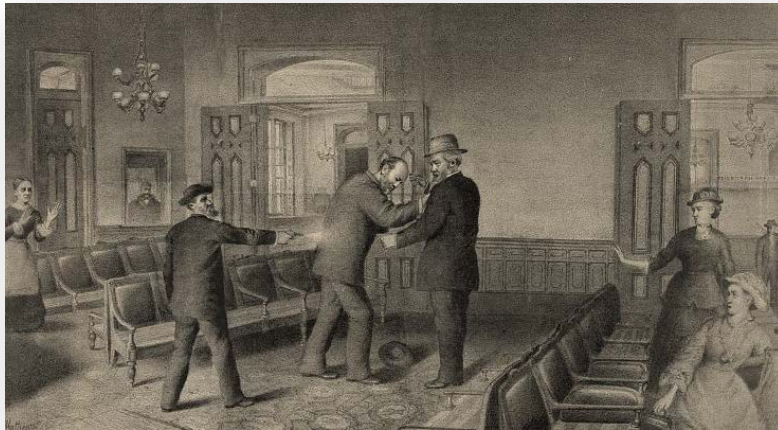
Nhiều thành viên của chính quyền của ông đã bị dính líu vào Crédit Mobilier Scandal, làm sai lệch công chúng của đất nước chung. Cấp cho mình dường như ở trên những vụ bê bối này, nhưng thiếu kỹ năng chính trị để kiểm soát nhân viên của mình hoặc thay thế họ bằng các viên chức toàn vẹn.

Người kế nhiệm ông là Rutherford B. Hayes. Hayes tự mình có tính toàn vẹn to lớn, nhưng Tổng thống của ông đã bị suy yếu bởi các phương tiện của cuộc bầu cử của ông. Sau khi các phiếu đại cử tri được tính, đối thủ của ông, Samuel Tilden, đã tuyên bố đa số phiếu phổ thông và chỉ cần một phiếu đại cử tri để thắng. Hayes cần hai mươi. Chính xác hai mươi phiếu đại cử tri đã bị tranh chấp vì các tiểu bang đệ trình hai lần trả về - một người tuyên bố Hayes là người chiến thắng, Tilden kia. Một ủy ban bầu cử thiên vị đảng Cộng hòa đã trao tất cả 20 phiếu đại cử tri cho đảng Cộng hòa Hayes, và ông ta chỉ giành được một phiếu đại cử tri.

Trong khi ông đã có thể yêu cầu Nhà Trắng, nhiều người coi cuộc bầu cử của ông là một sự gian lận, và quyền lực cai trị của ông đã giảm đi.

2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

James Garfield succeeded Hayes to the Presidency. After only four months, his life was cut short by an assassin's bullet. Charles Guiteau, the killer, was so upset with Garfield for overlooking him for a political job that he shot the President in cold blood on the platform of the Baltimore and Potomac train station.



James Garfield đã thành công Hayes với chức tổng thống. Chỉ sau bốn tháng, cuộc sống của anh bị cắt ngắn bởi viên đạn của một sát thủ. Charles Guiteau, kẻ giết người, đã rất thất vọng với Garfield vì đã xem anh ta vì một công việc chính trị mà anh ta đã bắn Tổng thống bằng máu lạnh trên nền tảng của nhà ga Baltimore và Potomac.

Secondary Source: Lithograph

An artists' rendition of the assassination of President Garfield by Charles Guiteau.

Nguồn phụ: Lithograph

Biểu hiện của một nghệ sĩ về vụ ám sát Tổng thống Garfield của Charles Guiteau.

Vice-President **Chester Arthur** became the next leader. Although his political history was largely composed of appointments of friends, the tragedy that befell his predecessor led him to believe that the system had gone bad. He signed into law the **Pendleton Civil Service Act**, which opened many jobs to competitive exam rather than political connections. The Republican Party rewarded him by refusing his nomination for the Presidency in 1884.

Phó Chủ tịch Chester Arthur trở thành thủ lĩnh tiếp theo. Mặc dù lịch sử chính trị của ông chủ yếu bao gồm các cuộc hẹn của bạn bè, nhưng bi kịch đã làm cho người tiền nhiệm của ông đã khiến ông tin rằng hệ thống đã xấu đi. Ông đã ký thành luật Đạo luật Dịch vụ Dân sự Pendleton, mở nhiều công việc cho kỳ thi cạnh tranh hơn là kết nối chính trị. Đảng Cộng hòa khen thưởng ông bằng cách từ chối đề cử của ông cho Tổng thống năm 1884.

One President impeached, one President drowning in corruption, one President elected by possible fraud, one President assassinated, and one disgraced by his own party for doing what he thought was right. Clearly, this was not a good time in Presidential history.

Một tổng thống đã luận tội, một Tổng thống đã chết đuối trong một tham nhũng, một Tổng thống được bầu bởi một kẻ gian lận có thể, một Tổng thống bị ám sát, và một người bị chính đảng của ông làm xấu hổ vì đã làm những gì ông nghĩ là đúng. Rõ ràng, đây không phải là thời điểm tốt trong lịch sử Tổng thống.

POLITICAL CORRUPTION

This was an era of congressional supremacy. The Republican Party dominated the Presidency and the Congress for most of these years. Both houses of Congress were full of representatives owned by big business. That is to say, big business owners donated such large sums of money to the politicians that the people's elected leaders listened more carefully to their corporate supporters than to the voters themselves.

THAM NHŨNG CHÍNH TRỊ

Đây là một kỷ nguyên của uy quyền quốc hội. Đảng Cộng hòa thống trị Tổng thống và Quốc hội trong hầu hết những năm này. Cả hai ngôi nhà của Quốc hội đều có đầy đủ các đại diện thuộc sở hữu của doanh nghiệp lớn. Có nghĩa là, các chủ doanh nghiệp lớn đã quyên tặng số tiền lớn như vậy cho các chính trị gia mà các nhà lãnh đạo được bầu của người dân lắng nghe cẩn thận hơn cho những người ủng hộ công ty của họ hơn là chính các cử tri.

Laws regulating campaigns were minimal and big money bought a government that would not interfere. Similar conditions existed in the states. City governments were dominated by political machines.

Luật điều tiết các chiến dịch là tối thiểu và tiền lớn đã mua một chính phủ không can thiệp. Điều kiện tương tự tồn tại ở các tiểu bang. Chính quyền thành phố bị chi phối bởi các máy chính trị. Các thành viên của một mạng

2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

Members of a small network gained power and used the public treasury to stay in power — and grow fabulously rich in the process.

Becoming **mayor** of a big city in the Gilded Age was like walking into a cyclone. Demands swirled around city leaders. Better sewers, cleaner water, new bridges, more efficient transit, improved schools, and suitable aid to the sick and needy were some of the more common demands coming from a wide range of interest groups.

To cope with the city's problems, government officials had a limited resources and personnel. Democracy did not flourish in this environment. To bring order out of the chaos of the nation's cities, political bosses emerged who did not shrink from corrupt deals if they could increase their power bases. The people and institutions the bosses controlled were called the **political machine**.

Personal politics can at once seem simple and complex. To maintain power, a **boss** had to keep his constituents happy. Most political bosses appealed to the newest, most desperate part of the growing populace — the immigrants. Occasionally bosses would provide relief kitchens to receive votes. Individuals who were leaders in local neighborhoods were sometimes rewarded city jobs in return for the loyalty of their constituents.

Bosses knew they also had to placate big business, and did so by rewarding them with lucrative contracts for construction of factories or public works. These industries would then pump large sums into keeping the political machine in office. It seemed simple: "You scratch my back and I'll scratch yours." However, bringing diverse interests together in a city as large as New York, Philadelphia, or Chicago required hours of legwork and great political skill.

All the activities mentioned so far seem at least semi-legitimate. The problem was that many political machines broke their own laws to suit their purposes. As contracts were awarded to legal business entities, they were likewise awarded to illegal gambling and prostitution rings. Often profits from these unlawful enterprises lined the pockets of city officials. Public tax money and **bribes** from the business sector increased the bank accounts of these corrupt leaders.

Voter fraud was widespread. Political bosses arranged to have voter lists expanded to include many phony names. In one district, a four-year-old child was registered to vote. In another, a dog's name appeared on the polling lists. Members of the machine would "vote early and often," traveling from polling place to polling place to place

lưới nhỏ đã giành được quyền lực và sử dụng kho bạc công để duy trì quyền lực - và phát triển giàu có trong quá trình này.

Trở thành thị trưởng của một thành phố lớn trong thời kỳ Gilded giống như đi vào một cơn bão. Nhu cầu xoay quanh các nhà lãnh đạo thành phố. Hệ thống cống rãnh tốt hơn, nước sạch hơn, cầu mới, vận chuyển hiệu quả hơn, trường học được cải thiện, và viện trợ phù hợp cho người bệnh và người nghèo là một trong những nhu cầu phổ biến hơn đến từ nhiều nhóm lợi ích.

Để đối phó với các vấn đề của thành phố, các quan chức chính phủ có một nguồn lực hạn chế và nhân sự. Dân chủ không phát triển mạnh trong môi trường này. Để mang trật tự ra khỏi sự hỗn loạn của các thành phố của quốc gia, các ông chủ chính trị nổi lên, những người đã không thu nhỏ từ các giao dịch tham nhũng nếu họ có thể tăng cơ sở quyền lực của họ. Những người và tổ chức mà các ông chủ điều khiển được gọi là máy chính trị.

Chính trị cá nhân có thể cùng một lúc có vẻ đơn giản và phức tạp. Để duy trì quyền lực, một ông chủ phải giữ cho các cử tri của mình hạnh phúc. Hầu hết các ông chủ chính trị đều kêu gọi một phần mới nhất, tuyệt vọng nhất của dân chúng ngày càng tăng - những người nhập cư. Thành thạo các ông chủ sẽ cung cấp nhà bếp cứu trợ để nhận phiếu bầu. Các cá nhân lãnh đạo trong các khu phố địa phương đôi khi được thưởng công việc thành phố để đổi lấy lòng trung thành của các thành phần của họ.

Các ông chủ biết rằng họ cũng phải xoa dịu doanh nghiệp lớn, và làm như vậy bằng cách thưởng cho họ những hợp đồng béo bở để xây dựng nhà máy hoặc công trình công cộng. Những ngành công nghiệp này sau đó sẽ bơm số tiền lớn để giữ cho máy chính trị trong văn phòng. Nó có vẻ đơn giản: "Bạn gãi lưng của tôi và tôi sẽ gãi của bạn." Tuy nhiên, mang lại lợi ích đa dạng với nhau trong một thành phố lớn như New York, Philadelphia, hoặc Chicago yêu cầu giờ của legwork và kỹ năng chính trị tuyệt vời.

Tất cả các hoạt động được đề cập cho đến nay dường như ít nhất là bán hợp pháp. Vấn đề là nhiều máy chính trị đã vi phạm luật riêng của họ cho phù hợp với mục đích của họ. Khi hợp đồng được trao cho các pháp nhân kinh doanh hợp pháp, họ cũng được trao tặng cho các vòng cờ bạc và mại dâm bất hợp pháp. Thường thì lợi nhuận từ các doanh nghiệp bất hợp pháp này xếp hàng túi của các quan chức thành phố. Tiền thuế công và tiền hối lộ từ khu vực kinh doanh làm tăng tài khoản ngân hàng của các nhà lãnh đạo tham nhũng này.

Gian lận cử tri đã lan rộng. Các ông chủ chính trị được sắp xếp để mở rộng danh sách cử tri để bao gồm nhiều tên giả mạo. Ở một huyện, một đứa trẻ bốn tuổi đã được đăng ký bỏ phiếu. Trong một tên khác, tên của một con chó xuất hiện trong danh sách bỏ phiếu. Các thành viên của máy sẽ "bỏ phiếu sớm và thường xuyên", đi từ địa điểm bỏ phiếu tới địa điểm bỏ phiếu để bỏ phiếu bất

2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

illegal votes. One district in New York one time reported more votes than it had residents.

The most notorious political boss of the age was **William “Boss” Tweed** of New York’s **Tammany Hall**. For twelve years, Tweed ruled New York. He gave generously to the poor and authorized the handouts of Christmas turkeys and winter coal to prospective supporters. In the process, he fleeced the public out of millions of taxpayer money, which went into the coffers of Tweed and his associates.



Attention was brought to Tweed’s corruption by political cartoonist **Thomas Nast**. Nast’s pictures were worth more than words as many illiterate and semi-literate New Yorkers were exposed to Tweed’s graft. A zealous attorney named Samuel Tilden convicted Tweed and his rule came to an end in 1876. Mysteriously, Tweed escaped from prison and traveled to Spain, where he was spotted by someone who recognized his face from Nast’s cartoons. He died in prison in 1878.

hợp pháp. Một huyện ở New York một lần báo cáo nhiều phiếu bầu hơn là cư dân.

Ông chủ chính trị khét tiếng nhất trong độ tuổi là William “Boss” Tweed of Tammany Hall của New York. Trong mười hai năm, Tweed cai trị New York. Ông đã hào phóng cho người nghèo và ủy quyền các tờ rơi của gà tây Giáng sinh và than mùa đông cho những người ủng hộ tiềm năng. Trong quá trình này, anh ta đã đưa công chúng ra khỏi hàng triệu tiền của người đóng thuế, vốn đã được đưa vào kho bạc của Tweed và các cộng sự của anh ta.

Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, Boss Tweed is depicted guarding the ballot box. This is critical of the role he and political machines played in manipulating elections to their advantage.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Trong phim hoạt hình này, Boss Tweed được mô tả bảo vệ thùng phiếu. Điều này rất quan trọng đối với vai trò của ông và các máy chính trị trong việc điều khiển các cuộc bầu cử với lợi thế của họ.

Sự chú ý đã được đưa đến tham nhũng của Tweed bởi nhà hoạt họa chính trị Thomas Nast. Những bức ảnh của Nast đáng giá hơn lời nói của nhiều người New York mù chữ và bán biết chữ đã tiếp xúc với ghép của Tweed. Một luật sư nhiệt thành tên là Samuel Tilden kết án Tweed và quy tắc của ông kết thúc vào năm 1876. Bí ẩn, Tweed trốn thoát khỏi nhà tù và đi đến Tây Ban Nha, nơi ông được phát hiện bởi một người nhận ra khuôn mặt của ông từ phim hoạt hình của Nast. Ông chết trong tù năm 1878.

2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

Not until the dawn of the 20th century would serious attempts be made to correct the abuses of Gilded Age government.

THE GOSPEL OF WEALTH

From these examples of graft in business and government, it would seem that men with wealth and positions of authority during the Gilded Age only thought of enriching themselves. However, this was not always the case. As mentioned earlier, many of the great industrialists of the era gave away huge sums of money. Steel magnate Andrew Carnegie is remembered for articulating this philosophy.

Carnegie put his ideas into print in 1889 in an article entitled “Wealth”, or as it is more commonly known, “**The Gospel of Wealth**”. In it, Carnegie describes the responsibility of the new upper class of self-made rich. He proposed that the best way of dealing with the new phenomenon of wealth inequality was for the wealthy to redistribute their surplus means in a responsible and thoughtful manner. Normally, wealthy families passed their fortunes down to the children, such as was the case in Europe. Carnegie disliked this idea arguing that dependents should be supported by their work, not with their parents’ money.

In *The Gospel of Wealth*, Carnegie asserted that hard work and perseverance lead to wealth, and made it clear that the duty of the rich was to live modest lifestyles. Carnegie argued that surplus wealth is put to best use when it is administered carefully by the wealthy. Carnegie also argued against wasteful use of capital in the form of extravagance, irresponsible spending, or self-indulgence, instead promoting the administration of money over the course of one’s lifetime toward the cause of reducing the difference between the rich and poor.

Carnegie himself gave away his fortune building libraries across the nation. Some 2,509 libraries were built around the world with his money. In many towns, the main library is still known as the **Carnegie Library**. Carnegie-Mellon University and Carnegie Hall in New York City were also established with his financial support.

CONCLUSION

The influence of money in politics is not a story that is restricted to the Gilded Age. Of course, people with money have advantages that the poor do not, and one of these advantages is the ability to use money to influence others.

Sometimes, business owners manipulated politicians. Sometimes they used money to buy votes and became politicians themselves. In

Mãi cho đến khi bình minh của thế kỷ 20, những nỗ lực nghiêm túc sẽ được thực hiện để sửa chữa sự lạm dụng của chính quyền tuổi già.

THE GOSPEL OF WEALTH

Từ những ví dụ về ghép trong kinh doanh và chính phủ, có vẻ như những người đàn ông giàu có và vị trí của chính quyền trong thời kỳ hoàng gia chỉ nghĩ đến việc làm phong phú thêm bản thân họ. Tuy nhiên, đây không phải lúc nào cũng vậy. Như đã đề cập trước đó, nhiều người trong số các nhà công nghiệp lớn của thời đại đã cho đi một khoản tiền khổng lồ. Ông trùm thép Andrew Carnegie được ghi nhớ vì đã nói lên triết lý này.

Carnegie đưa ý tưởng của mình vào bản in vào năm 1889 trong một bài viết có tựa đề “Giàu có”, hoặc vì nó được biết đến nhiều hơn, “**Tin Mừng của Sự Giàu Có**”. Trong đó, Carnegie mô tả trách nhiệm của tầng lớp thượng lưu mới giàu tự làm. Ông đề xuất rằng cách tốt nhất để đối phó với hiện tượng bất bình đẳng giàu có mới là để những người giàu có phân phối lại các phương tiện thặng dư của họ một cách có trách nhiệm và chu đáo. Thông thường, các gia đình giàu có đã chuyển vận mệnh của họ xuống cho trẻ em, chẳng hạn như trường hợp ở châu Âu. Carnegie không thích ý kiến này cho rằng người phụ thuộc nên được hỗ trợ bởi công việc của họ, không phải bằng tiền của cha mẹ họ.

Trong *Tin Mừng của Sự Giàu Có*, Carnegie khẳng định rằng công việc khó khăn và sự kiên trì dẫn đến sự giàu có, và làm rõ rằng nhiệm vụ của người giàu là sống lối sống khiêm tốn. Carnegie lập luận rằng sự giàu có dư thừa được sử dụng tốt nhất khi người giàu có quản lý cẩn thận. Carnegie cũng lập luận chống lại việc sử dụng lãng phí vốn dưới hình thức lãng phí, chi tiêu vô trách nhiệm, hoặc tự tha thứ, thay vì thúc đẩy việc quản lý tiền trong suốt cuộc đời của một người đối với nguyên nhân làm giảm sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo.

Bản thân Carnegie đã từ bỏ các thư viện xây dựng tài sản của mình trên toàn quốc. Khoảng 2,509 thư viện đã được xây dựng trên toàn thế giới với số tiền của ông. Ở nhiều thị trấn, thư viện chính vẫn được gọi là Thư viện Carnegie. Đại học Carnegie-Mellon và Carnegie Hall ở thành phố New York cũng được thành lập với sự hỗ trợ tài chính của ông.

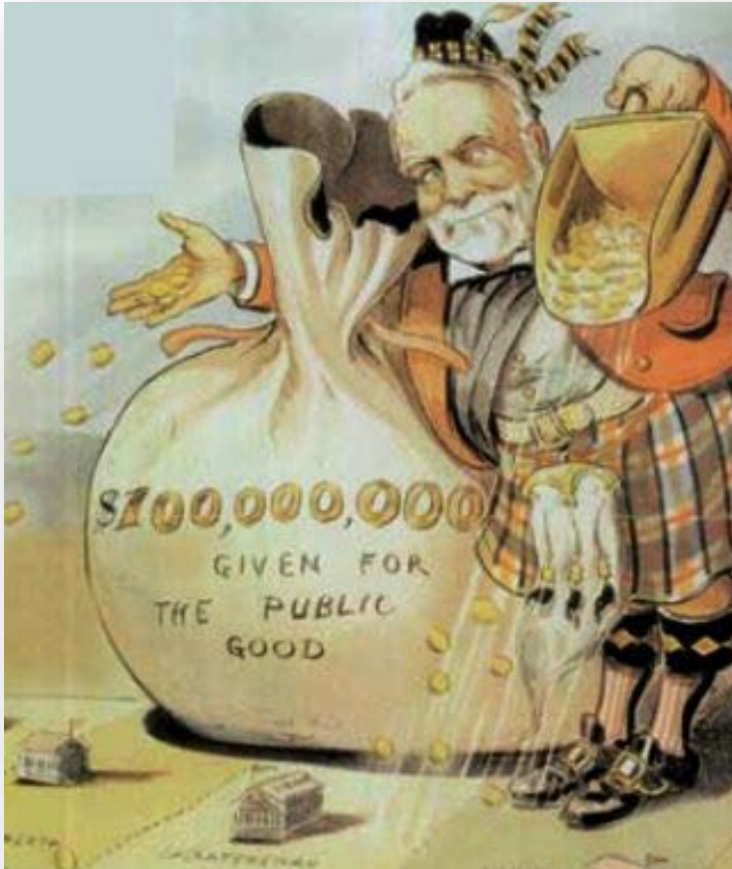
PHẦN KẾT LUẬN

Ảnh hưởng của tiền bạc trong chính trị không phải là một câu chuyện bị giới hạn ở thời đại Mạ Vàng. Tất nhiên, những người có tiền có lợi thế là người nghèo thì không, và một trong những lợi thế này là khả năng sử dụng tiền để gây ảnh hưởng đến người khác.

Đôi khi, chủ doanh nghiệp thao túng các chính trị gia. Đôi khi họ sử dụng tiền để mua phiếu bầu và trở thành chính trị gia. Ở các thành phố, các quan chức được bầu

2 DOES MONEY MAKE YOU POWERFUL?

cities, elected officials formed political machines and used their access to tax money to enrich themselves and be reelected.



đã thành lập các máy chính trị và sử dụng quyền truy cập của họ vào tiền thuế để làm phong phú thêm bản thân và được tái đắc cử.

Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, Carnegie is seen giving away his fortune to build libraries. It reflects the positive view of the industrialists as generous philanthropists.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Trong phim hoạt hình này, Carnegie được nhìn thấy từ bỏ tài sản của mình để xây dựng thư viện. Nó phản ánh quan điểm tích cực của các nhà công nghiệp như những nhà từ thiện hào phóng.

At the same time, however, men like Andrew Carnegie used some of their financial power to benefit humanity through philanthropy.

Đồng thời, tuy nhiên, những người như Andrew Carnegie đã sử dụng một số quyền lực tài chính của họ để mang lại lợi ích cho nhân loại thông qua hoạt động từ thiện.

As you will learn in later readings, the corruption that was rampant in the Gilded Age was outlawed when voters acted together to make change. Instead of a few individuals with access to money, the collective power of the common citizen won out. Some would argue that we are again in a time when the 1%, the few super-rich, are again making decisions and influencing politics.

Như bạn sẽ tìm hiểu trong các bài đọc sau này, tham nhũng tràn lan trong thời kỳ hoàng gia đã bị cấm khi cử tri hành động cùng nhau để thay đổi. Thay vì một vài cá nhân có quyền truy cập vào tiền, sức mạnh tập thể của công dân thường thắng. Một số người cho rằng chúng ta lại một lần nữa khi 1%, một số ít người giàu có, một lần nữa đưa ra quyết định và ảnh hưởng đến chính trị.

Based on what you know of the Gilded Age, what do you think? Does money make you powerful?

Dựa trên những gì bạn biết về Thời đại được Mạ vàng, bạn nghĩ sao? Tiền có làm cho bạn mạnh mẽ không?

SUMMARY

The years after the Civil War saw a series of forgettable presidents who did not have much power relative to Congress. One thing government dealt with was corruption. The Pendleton Civil Service Act made many government jobs open to candidates based on competitive exams. This helped limit the spoils system of giving jobs as rewards for supporting political candidates.

This period was also a time of corruption in city governments. Big city mayors used their power to give jobs and contracts to friends. In exchange they bought votes, stayed in power, took bribes, and became rich. These political machines were common. The most famous was nicknamed Tammany Hall in New York.

Money was not always as source of corruption and evil. Andrew Carnegie's essay the Gospel of Wealth encouraged the wealthy to use their money to benefit humanity.

TÓM LƯỢC

Những năm sau Nội chiến chứng kiến một loạt các tổng thống đáng quên, người không có nhiều quyền lực liên quan đến Quốc hội. Một điều chính phủ xử lý là tham nhũng. Đạo luật Dịch vụ Dân sự Pendleton khiến nhiều công việc của chính phủ mở ra cho các ứng cử viên dựa trên các kỳ thi cạnh tranh. Điều này đã giúp hạn chế hệ thống chiến lợi phẩm của việc giao việc như là phần thưởng cho việc hỗ trợ các ứng cử viên chính trị.

Thời kỳ này cũng là thời kỳ tham nhũng trong chính quyền thành phố. Thị trưởng thành phố lớn đã sử dụng quyền lực của mình để giao việc và hợp đồng cho bạn bè. Đổi lại họ mua phiếu bầu, nắm quyền, nhận hối lộ và trở nên giàu có. Những bộ máy chính trị là phổ biến. Nổi tiếng nhất có biệt danh là Tammany Hall ở New York.

Tiền không phải lúc nào cũng là nguồn tham nhũng và xấu xa. Andrew Carnegie, tiểu luận Phúc âm của cái đã khuyến khích những người giàu sử dụng tiền của họ để mang lại lợi ích cho nhân loại.



KEY CONCEPTS

Mayor: The elected chief executive of a city.

Political Machine: A system set up in cities in which elected leaders buy or manipulate votes. They accepted bribes and stole government money. In exchange, they lavished favors on friends who protected and supported them. The most famous was Tammany Hall in New York City.

Boss: Leader of a political machine. The most famous was William Tweed of Tammany Hall in New York City.

Bribe: Money paid to a government official in exchange for a favor. For example, business leaders paid members of congress to pass or not pass certain legislation.

Voter Fraud: Any method of manipulating elections including, voting multiple times, voting in someone else's name, or purposefully not counting some votes.

The Gospel of Wealth: Article by Andrew Carnegie. In it he argued that making money was noble but that wealthy people should give away their fortunes to the benefit of mankind.

Carnegie Library: Name for libraries built with Andrew Carnegie's financial support. Some are still officially called by this name, such as in Pittsburgh, Pennsylvania.



LAWS

Pendleton Civil Service Act: 1883 law limiting the spoils system by requiring that many government employees pass an exam. This helped establish a group of professional government employees outside the influence of politics. It was passed after the assassination of President Garfield by a disgruntled job seeker.



PEOPLE AND GROUPS

Ulysses S. Grant: General and hero of the Civil War who became president. Although honest, he was a poor politician. His administration was weakened by the Crédit Mobilier Scandal.

Rutherford B. Hayes: Republican President elected in 1877 as part of a compromise that ended Reconstruction in the South. His influence was weakened by the circumstances of his election.

James Garfield: Republican president who was assassinated by Charles Guiteau, who was angry that he had not received a government job.

Chester Arthur: Vice-president who ascended to the presidency when James Garfield was assassinated. He signed the Pendleton Civil Service Act which limited the spoils system.

William "Boss" Tweed: Famous boss of the Tammany Hall political machine.

Tammany Hall: Nickname for Boss Tweed's political machine in New York City.

Thomas Nast: Cartoonist whose drawings criticized Boss Tweed and the Tammany Hall political machine.



EVENTS

Crédit Mobilier Scandal: Political scandal during Grant's presidency. His aids enriched themselves with the sale of public land.

3

T H I R D Q U E S T I O N WHO SHOULD BE IN CHARGE, WORKERS OR OWNERS?

IS GREED
GOOD?

INTRODUCTION

Organized labor brought tremendous positive change to working Americans. Today, many workers enjoy higher wages, better hours, and safer working conditions. Employers often pay for medical coverage and several weeks' vacation.

These changes were hard-won. Jobs and lives were lost in the epic struggle for a fair share. The fight sprouted during the Gilded Age, when labor took its first steps toward unity.

But of course, when workers united, they took away some of the power of industrialists to control their own businesses. How can a captain of industry be the most successful possible if the workers are interfering by striking? This power sharing can be difficult, messy, and sometimes ends up hurting a business.

In a purely socialist society, workers are in total control. Those who do the work, share in the benefits. America has never tried such a system, but we know from the 20th century that it failed in other countries.

What do you think? Who should be in charge, workers or owners?

GIỚI THIỆU

Lao động có tổ chức mang lại sự thay đổi tích cực to lớn cho người Mỹ làm việc. Ngày nay, nhiều công nhân được hưởng lương cao hơn, giờ tốt hơn và điều kiện làm việc an toàn hơn. Người sử dụng lao động thường trả tiền bảo hiểm y tế và nghỉ phép vài tuần.

Những thay đổi này khó thắng. Việc làm và cuộc sống đã bị mất trong cuộc đấu tranh hoành tráng cho một phần công bằng. Cuộc chiến này mầm trong thời kỳ hoàng gia, khi lao động thực hiện những bước đầu tiên hướng tới sự đoàn kết.

Nhưng tất nhiên, khi công nhân đoàn kết, họ lấy đi một số quyền lực của các nhà công nghiệp để kiểm soát các doanh nghiệp của mình. Làm thế nào một đội trưởng của ngành công nghiệp có thể thành công nhất có thể nếu công nhân đang can thiệp bằng cách nổi bật? Sự chia sẻ quyền lực này có thể khó khăn, lộn xộn và đôi khi kết thúc làm tổn thương một doanh nghiệp.

Trong một xã hội thuần túy xã hội chủ nghĩa, công nhân có toàn quyền kiểm soát. Những người làm công việc, chia sẻ lợi ích. Nước Mỹ chưa bao giờ thử một hệ thống như vậy, nhưng chúng ta biết từ thế kỷ 20 rằng nó đã thất bại ở các nước khác.

Bạn nghĩ sao? Ai nên chịu trách nhiệm, công nhân hoặc chủ sở hữu?

ORGANIZED LABOR

In the mid-19th century, the vast majority of American work was still done on the farm. By the turn of the 20th century, the United States economy revolved around the factory.

Most Americans living in the Gilded Age knew nothing of the life of millionaires such as Rockefeller, Carnegie and Morgan. They worked 10-hour shifts, 6 days a week, for wages barely enough to survive. Children as young as eight years old worked instead of attending school. Men and women worked until their bodies could stand no more, only to be released from employment without retirement benefits. Medical coverage did not exist. Women who became pregnant were often fired. Compensation for being hurt while on the job was zero.

Laborers realized that they needed to unite to demand change. Even though they lacked money, education, or political power, they knew one critical thing. There were simply more workers than there were owners.

Unions did not emerge overnight. Despite their legal right to exist, bosses often took extreme measures, including intimidation and violence, to prevent a union from taking hold. Workers, too, often chose the sword when peaceful measures failed.

Many Americans believed that a violent revolution would take place in America. How long would so many stand to be poor? Industrial titans including John Rockefeller arranged for mighty castles to be built as fortresses to stand against the upheaval they were sure was coming.

Slowly but surely unions did grow. Efforts to form nationwide organizations faced even greater difficulties. Federal troops were sometimes called to block their efforts. Judges almost always ruled in favor of the bosses.

Often, workers could not agree on common goals. Some flirted with extreme ideas like Marxism. Others simply wanted a nickel more per hour. Fights erupted over whether or not to admit women or African Americans into the ranks of union membership.

THE GREAT UPHEAVAL

It started with a 10% pay cut. When leaders of the Baltimore and Ohio Railroad Company ordered this second reduction in less than eight months, railroad workers in Martinsburg, West Virginia decided they had had enough. On July 16, 1877, workers in that town drove all the engines into the roundhouse and boldly declared that no train would leave until the owners restored their pay. The local townspeople gathered at the railyard to show their support for the strikers. A great showdown was on.

LAO ĐỘNG TỔ CHỨC

Vào giữa thế kỷ 19, phần lớn công việc của người Mỹ vẫn được thực hiện trên trang trại. Đến cuối thế kỷ 20, nền kinh tế Hoa Kỳ xoay quanh nhà máy.

Hầu hết người Mỹ sống trong thời đại Mạ Vàng không biết gì về cuộc sống của các triệu phú như Rockefeller, Carnegie và Morgan. Họ làm việc 10 giờ mỗi ngày, 6 ngày một tuần, với mức lương vừa đủ để sống sót. Trẻ em dưới 8 tuổi làm việc thay vì đi học. Đàn ông và phụ nữ đã làm việc cho đến khi cơ thể của họ không thể chịu đựng được nữa, chỉ được giải phóng khỏi công việc mà không có trợ cấp hưu trí. Bảo hiểm y tế không tồn tại. Phụ nữ mang thai thường bị sa thải. Bồi thường cho bị tổn thương trong khi làm việc là số không.

Người lao động nhận ra rằng họ cần đoàn kết để yêu cầu thay đổi. Mặc dù họ thiếu tiền, giáo dục, hoặc quyền lực chính trị, họ biết một điều quan trọng. Chỉ đơn giản là có nhiều công nhân hơn là chủ nhân.

Công đoàn không xuất hiện qua đêm. Mặc dù quyền pháp lý của họ tồn tại, các ông chủ thường có các biện pháp cực đoan, bao gồm đe dọa và bạo lực, để ngăn chặn một công đoàn nắm giữ. Công nhân cũng vậy, thường chọn thanh kiếm khi các biện pháp hòa bình thất bại.

Nhiều người Mỹ tin rằng một cuộc cách mạng bạo lực sẽ diễn ra ở Mỹ. Bao lâu thì rất nhiều người nghèo? Những người khổng lồ công nghiệp bao gồm cả John Rockefeller sắp xếp cho các lâu đài hùng mạnh được xây dựng như pháo đài để chống lại những biến động mà họ chắc chắn đang đến.

Từ từ nhưng chắc chắn công đoàn đã phát triển. Nỗ lực để hình thành các tổ chức trên toàn quốc gặp nhiều khó khăn hơn nữa. Quân đội liên bang đôi khi được gọi là để ngăn chặn những nỗ lực của họ. Thẩm phán hầu như luôn luôn phán quyết ủng hộ các ông chủ.

Thông thường, công nhân không thể đồng ý về các mục tiêu chung. Một số tán tỉnh với những ý tưởng cực đoan như chủ nghĩa Mác. Những người khác chỉ đơn giản là muốn có thêm niken mỗi giờ. Các trận đánh nổ ra có hay không thừa nhận phụ nữ hoặc người Mỹ gốc Phi vào hàng ngũ thành viên công đoàn.

CẬP NHẬT TUYỆT VỜI

Nó bắt đầu với mức cắt giảm 10%. Khi các nhà lãnh đạo của Công ty Đường sắt Baltimore và Ohio ra lệnh giảm lần thứ hai này trong vòng chưa đầy tám tháng, công nhân đường sắt ở Martinsburg, West Virginia đã quyết định họ đã có đủ. Vào ngày 16 tháng 7 năm 1877, công nhân ở thị trấn đó lái tất cả các động cơ vào trong nhà tròn và mạnh dạn tuyên bố rằng sẽ không có chuyến tàu nào rời đi cho đến khi chủ sở hữu phục hồi tiền lương của họ. Những người dân địa phương tập trung tại sân vận động để thể hiện sự ủng hộ của họ đối với các tiền đạo. Một cuộc thách thức lớn đã diễn ra.

Strikes or other actions seen as disturbances are usually handled at the local level. The mayor of Martinsburg tried in vain to threaten the striking workers, but the crowd merely laughed and booed. The local police were far too insubstantial to match the numbers of the rabble. In desperation, the mayor turned to the governor of West Virginia for support. The governor sent units of the National Guard to Martinsburg to accompany the trains out of town by force of arms. There was little support for the effort among the Guardsmen. The majority of them were railroad workers themselves. After two people were killed in the standoff, the Guard simply lay down their weapons and began chatting with members of the crowd.

Only when federal troops sent by President Hayes arrived did the trains leave the station. Even then they were sabotaged and harassed along their routes. Only one train reached its destination.



The Martinsburg Strike might have gone down in history as one of many small local strikes put down by force, but this time the strike spread. Soon other B&O units joined the Martinsburg strike. The movement spread into Pennsylvania, when workers on the Pennsylvania and Reading Railroads joined their compatriots. Pittsburgh is the gateway to the Midwest, and so the strike widened to that region.

The police, the National Guard, and the United States Army clashed with angry mobs throughout America. Throughout the land, wealthy individuals feared that the worst had finally come. A violent revolution seemed to be sweeping the nation.

But then it stopped. In some cases the strikes were ended by force. In others, the strikers simply gave up. After all, most workers were not trying to overthrow the government or the social order. They simply wanted higher wages and more time to spend with their families. The **Great Upheaval** was not the first strike in American

Các cuộc đình công hoặc các hành động khác được xem là sự xáo trộn thường được xử lý ở cấp địa phương. Thị trưởng của Martinsburg đã cố gắng vô ích để đe dọa các công nhân nổi bật, nhưng đám đông chỉ cười và la ó. Cảnh sát địa phương đã quá không đáng kể để phù hợp với những con số của sự rùng rợn. Trong tuyệt vọng, thị trưởng quay sang thống đốc Tây Virginia để được hỗ trợ. Thống đốc đã gửi các đơn vị của Lực lượng Cảnh sát Quốc gia đến Martinsburg để đi cùng với các đoàn tàu ra khỏi thị trấn bằng vũ khí. Có rất ít sự hỗ trợ cho các nỗ lực trong số các Guardsmen. Phần lớn trong số họ là công nhân đường sắt. Sau khi hai người thiệt mạng trong trận đấu, Guard chỉ đơn giản là nằm xuống vũ khí của họ và bắt đầu trò chuyện với các thành viên của đám đông.

Chỉ khi quân đội liên bang được gửi bởi Tổng thống Hayes đến thì các đoàn tàu rời khỏi nhà ga. Thậm chí sau đó họ đã bị phá hoại và quấy rối dọc theo tuyến đường của họ. Chỉ có một chuyến tàu đến đích.

Primary Source: Print

An artist's depiction of the destruction of the railroad depot at Harpers Ferry, West Virginia during the Great Upheaval.

Nguồn chính: In

Một mô tả của nghệ sĩ về việc phá hủy kho đường sắt tại Harpers Ferry, Tây Virginia trong thời gian tuyệt vời.

Cuộc đình công Martinsburg có thể đã đi xuống trong lịch sử như là một trong nhiều cuộc tấn công địa phương nhỏ đặt xuống bằng vũ lực, nhưng lần này cuộc đình công lan rộng. Chẳng bao lâu các đơn vị B & O khác tham gia cuộc đình công Martinsburg. Phong trào lan sang Pennsylvania, khi công nhân ở Pennsylvania và Reading Railroads gia nhập đồng bào của họ. Pittsburgh là cửa ngõ vào vùng Trung Tây, và do đó cuộc đình công mở rộng đến khu vực đó.

Cảnh sát, Cảnh sát Quốc gia và Quân đội Hoa Kỳ đụng độ với đám đông giận dữ khắp nước Mỹ. Trên khắp đất liền, các cá nhân giàu có sợ rằng điều tồi tệ nhất cuối cùng cũng đến. Một cuộc cách mạng bạo lực dường như đang quét khắp đất nước.

Nhưng rồi nó dừng lại. Trong một số trường hợp, các cuộc đình công đã kết thúc bằng vũ lực. Ở những người khác, các tiền đạo chỉ đơn giản là từ bỏ. Xét cho cùng, hầu hết công nhân không cố gắng lật đổ chính phủ hay trật tự xã hội. Họ chỉ đơn giản là muốn tiền lương cao hơn và dành nhiều thời gian hơn để chi tiêu với gia đình của họ. The Great Upheaval không phải là cuộc đình công đầu tiên

History; it was the first mass strike to involve so many different workers separated by so much space.

What did this mean for America? From a distance, the strike seems to have failed. However, in many cases, workers did have their demands met. There is no telling how many future pay cuts were avoided because of fear of reprisal from the laborers.

The Great Upheaval was spontaneous. There was absolutely no advanced planning, showing how many rank and file workers had the same concerns about quality of life, as well as the same anger at those who controlled the wealth. More than 100,000 workers had gone on strike, shutting down nearly half of the nation's rail systems.

When the strike ended in the first week in August, over 100 people had been killed and a thousand more were imprisoned. Untold millions of dollars of damage was caused to rail lines, cars, and roundhouses. The fight was over, but America had not seen the last of the **mass strike**.

LABOR VS. MANAGEMENT

The battle lines were clearly drawn. People were either workers or bosses, and with that strong identity often came an equally strong dislike for those who were on the other side. As the number of self-employed Americans dwindled in the Gilded Age, workers began to feel strength in their numbers and were greater and greater demands of their bosses. When those demands were rejected, they plotted schemes to win their cases.

Those who managed factories developed strategies to counteract those of labor. At times the relationship between the camps was as intellectual and tense as a tough chess match. Other times it was as ugly as a schoolyard fight.

The most frequently employed technique of workers was the strike. Refusing to work would, in theory, force the company to suffer great enough financial losses that they would agree to worker terms. Strikes had been known in America since the colonial age, but their numbers grew larger in the Gilded Age.

Because of poor organization and government support for owners, 19th century strikes were not successful, so unions thought of other means. If the workers at a shoe factory could garner enough sympathy from the local townspeople, a **boycott** could achieve desirable results. The union would make its case to the town in the hope that no one would buy any shoes from the factory until the owners agreed to a pay raise. Boycotts could be successful in a small community where the factory was dependent upon the business of a group of people in close proximity

trong lịch sử Hoa Kỳ; đó là cuộc tấn công hàng loạt đầu tiên liên quan đến rất nhiều công nhân khác nhau được phân cách bởi rất nhiều không gian.

Điều này có ý nghĩa gì đối với nước Mỹ? Từ xa, cuộc đình công dường như đã thất bại. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, công nhân đã đáp ứng được nhu cầu của họ. Không có gì cho biết có bao nhiêu lần cắt giảm lương trong tương lai đã bị tránh vì sợ bị trả thù từ người lao động.

The Great Upheaval là tự phát. Hoàn toàn không có kế hoạch nâng cao, cho thấy có bao nhiêu nhân viên xếp hạng và tập tin có cùng mối quan tâm về chất lượng cuộc sống, cũng như sự giận dữ tương tự với những người kiểm soát sự giàu có. Hơn 100.000 công nhân đã đình công, đóng cửa gần một nửa hệ thống đường sắt của quốc gia.

Khi cuộc đình công kết thúc vào tuần đầu tiên của tháng Tám, hơn 100 người đã thiệt mạng và hàng ngàn người khác bị cầm tù. Hàng triệu đô la thiệt hại đã được gây ra cho các tuyến đường sắt, xe hơi, và các vòng quanh. Cuộc chiến đã kết thúc, nhưng Mỹ đã không nhìn thấy cuộc đình công cuối cùng.

LAO ĐỘNG VS. SỰ QUẢN LÝ

Các đường chiến đã được rút ra rõ ràng. Mọi người đều là công nhân hoặc trùm, và với danh tính mạnh mẽ đó thường có một sự không thích đáng đối với những người ở phía bên kia. Vì số lượng người Mỹ tự làm chủ bị suy giảm trong thời đại Mạ vàng, công nhân bắt đầu cảm thấy sức mạnh về số lượng của họ và nhu cầu ngày càng cao của các ông chủ của họ. Khi những yêu cầu đó bị từ chối, họ đã phác thảo các kế hoạch để thắng kiện của họ.

Những người quản lý các nhà máy đã phát triển các chiến lược để chống lại những người lao động. Đôi khi mối quan hệ giữa các trại là trí tuệ và căng thẳng như một trận đấu cờ tướng khó khăn. Lần khác nó xấu xí như một cuộc chiến sân trường.

Kỹ thuật làm việc thường xuyên nhất của công nhân là cuộc đình công. Từ chối làm việc, theo lý thuyết, buộc công ty phải chịu thiệt hại tài chính đủ lớn mà họ sẽ đồng ý với các điều khoản công nhân. Các cuộc đình công đã được biết đến ở Mỹ từ thời thuộc địa, nhưng số lượng của họ đã tăng lên lớn hơn trong thời kỳ Gilded.

Vì sự hỗ trợ của chính phủ và tổ chức nghèo nàn cho các chủ sở hữu, các cuộc đình công thế kỷ 19 đã không thành công, nên các đoàn thể nghĩ về các phương tiện khác. Nếu các công nhân tại một nhà máy giày có thể thu hút đủ sự thông cảm từ người dân địa phương, việc tẩy chay có thể đạt được kết quả mong muốn. Công đoàn sẽ đưa trường hợp của mình đến thị trấn với hy vọng rằng không ai mua bất kỳ đôi giày nào từ nhà máy cho đến khi các chủ sở hữu đồng ý tăng lương. Boycotts có thể thành công trong một cộng đồng nhỏ nơi nhà máy phụ thuộc vào việc kinh doanh của một nhóm người ở gần

In desperate times, workers would also resort to illegal means if necessary. For example, **sabotage** of factory equipment was not unknown. Occasionally, the foreman or the owner might even be the victims of worker-sponsored violence.

Owners had strategies of their own. If a company found itself with a high inventory, the boss might afford to enact a **lockout**, which is a reverse strike. In this case, the owner tells the employees not to bother showing up until they agree to a pay cut. Sometimes when a new worker was hired the employee was forced to sign a **yellow-dog contract**, or an ironclad oath swearing that the employee would never join a union.

Strikes could be countered in a variety of ways. The first measure was usually to hire strikebreakers, or **scabs**, to take the place of the regular labor force. Here things often turned violent. The crowded cities always seemed to have someone hopeless enough to cross the **picket line** during a strike. The striking workers often responded with fists, occasionally even leading to death.

Prior to the 20th century the government never sided with the union in a labor dispute. Bosses persuaded the courts to issue injunctions to declare strikes illegal. If the strike continued, the participants would be thrown in prison. When all these efforts failed to break a strike, the government at all levels would be willing to send a militia to regulate as in the case of the Great Upheaval.



What was at stake? Each side felt they were fighting literally for survival. The owners felt if they could not keep costs down to beat the competition, they would be forced to close the factory altogether. They said they could not meet the workers' unreasonable demands.

What were the employees demanding? In the entire history of labor strife, most goals of labor can be reduced to two overarching issues:

Trong thời gian tuyệt vọng, công nhân cũng sẽ sử dụng phương tiện bất hợp pháp nếu cần thiết. Ví dụ, phá hoại thiết bị nhà máy không được biết. Thành thạo, người quản đốc hoặc chủ sở hữu thậm chí có thể là nạn nhân của bạo lực do người lao động bảo trợ.

Chủ sở hữu có chiến lược riêng của họ. Nếu một công ty tìm thấy chính nó với một hàng tồn kho cao, ông chủ có thể đủ khả năng để ban hành một khóa, đó là một cuộc đình công ngược lại. Trong trường hợp này, chủ sở hữu nói với các nhân viên không phải bận tâm hiển thị cho đến khi họ đồng ý cắt giảm lương. Đôi khi khi một nhân viên mới được thuê, nhân viên đã buộc phải ký hợp đồng chó vàng, hoặc lời tuyên thệ thề rằng nhân viên sẽ không bao giờ tham gia một công đoàn.

Các cuộc đình công có thể bị phản đối theo nhiều cách khác nhau. Biện pháp đầu tiên thường là thuê những kẻ tấn công, hoặc vạ, để thay thế lực lượng lao động thông thường. Ở đây mọi thứ thường trở nên bạo lực. Các thành phố đông đúc dường như luôn có ai đó vô vọng để băng qua đường picket trong một cuộc đình công. Các công nhân nổi bật thường phản ứng với nắm tay, đôi khi thậm chí dẫn đến cái chết.

Trước thế kỷ 20, chính phủ không bao giờ đứng về phía công đoàn trong tranh chấp lao động. Các ông chủ đã thuyết phục các tòa án ban hành các lệnh cấm khai báo bất hợp pháp. Nếu cuộc đình công tiếp tục, những người tham gia sẽ bị ném vào tù. Khi tất cả những nỗ lực này không thành công, chính phủ các cấp sẽ

Primary Source: Drawing

An artist's rendition of the arrival of the National Guard to break the Homestead Strike.

Nguồn chính: Vẽ

Một màn trình diễn của nghệ sĩ về sự xuất hiện của Vệ binh Quốc gia để phá vỡ Homestead Strike.

Điều gì đã bị đe dọa? Mỗi bên cảm thấy họ chiến đấu theo nghĩa đen để sống sót. Các chủ sở hữu cảm thấy nếu họ không thể giảm chi phí để đánh bại đối thủ cạnh tranh, họ sẽ buộc phải đóng cửa nhà máy hoàn toàn. Họ nói rằng họ không thể đáp ứng nhu cầu không hợp lý của công nhân.

Các nhân viên yêu cầu gì? Trong toàn bộ lịch sử của xung đột lao động, hầu hết các mục tiêu lao động có thể được giảm xuống hai vấn đề bao quát: tiền lương cao hơn và

higher wages and better working conditions. In the beginning, management would have the upper hand. But the sheer numbers of the American workforce was gaining momentum as the century neared its conclusion.

EARLY NATIONAL ORGANIZATIONS

Divide and conquer. That simple strategy gave the owners the advantage over labor until the dawn of the 20th century. Laborers did not all have the same goals. By favoring one group over another, the bosses could create internal dissent in any union. Unions were spread from town to town. Unity among them might make a more effective boycott or strike, but bringing diverse groups together across a large area was extremely difficult.

Owners were smart enough to circulate **blacklists**. These lists contained the names of any workers active in the union. If anyone on the list would show up in another town trying to get hired (or to start another union), the employers would refuse to give them a job. Still, the ratio of labor to management was so large that national organizations were inevitable. The first group to clear the hurdles was the National Labor Union.

By 1866, there were about 200,000 workers in local unions across the United States. William Sylvis seized the opportunity presented by these numbers and established the first nationwide labor organization, named the **National Labor Union**. Sylvis had very ambitious goals. Not only did the NLU fight for higher wages and shorter hours, Sylvis took labor activity into the political arena. The NLU supported legislation banning prison labor, land reform laws to keep public holdings out of the hands of speculators, and national currency reform to raise farm prices.

It brought together skilled and unskilled workers, as well as farmers. The National Labor Union stopped short of admitting African Americans. Racist tendencies of the times prevailed, despite the wisdom of bringing as many workers as possible into the fold. Unfortunately, for the NLU, it tried to represent too many different groups. Farmers had their own agenda, and skilled workers often had different realities than the unskilled. When the Panic of 1873 hit America, the union was severely disabled. Soon after, the National Labor Union withered away.

THE KNIGHTS OF LABOR

The **Knights of Labor** soon inherited the mantle of organized labor. Begun by Uriah Stephens as a secret society in 1869, the Knights admitted all wage earners into their ranks, including women and African Americans. The philosophy was simple: class was more important than race or gender. For such a group to influence the federal government, complete solidarity would be required.

điều kiện làm việc tốt hơn. Ban đầu, quản lý sẽ có mặt trên. Nhưng những con số tuyệt đối của lực lượng lao động Mỹ đang tăng dần khi thế kỷ gần kết thúc.

TỔ CHỨC QUỐC GIA SỚM

Phân chia và chinh phục. Chiến lược đơn giản đó đã mang lại cho chủ sở hữu lợi thế về lao động cho đến sáng sớm của thế kỷ 20. Người lao động không phải tất cả đều có cùng mục tiêu. Bằng cách ưu tiên một nhóm khác, các ông chủ có thể tạo ra bất đồng nội bộ trong bất kỳ liên minh nào. Công đoàn được lan truyền từ thị trấn này sang thị trấn khác. Sự thống nhất trong số họ có thể làm cho việc tẩy chay hoặc đình công hiệu quả hơn, nhưng việc đưa các nhóm đa dạng lại với nhau trên một khu vực rộng lớn là vô cùng khó khăn.

Chủ sở hữu đủ thông minh để lưu trữ danh sách đen. Các danh sách này chứa tên của bất kỳ công nhân nào hoạt động trong công đoàn. Nếu bất cứ ai trong danh sách sẽ xuất hiện ở một thị trấn khác đang cố gắng để được thuê (hoặc để bắt đầu một công đoàn khác), các nhà tuyển dụng sẽ từ chối cung cấp cho họ một công việc. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động để quản lý quá lớn đến mức các tổ chức quốc gia là không thể tránh khỏi. Nhóm đầu tiên xóa bỏ rào cản là Liên đoàn Lao động Quốc gia.

Đến năm 1866, có khoảng 200.000 công nhân trong các công đoàn địa phương trên toàn nước Mỹ. William Sylvis đã nắm lấy cơ hội được trình bày bởi những con số này và thành lập tổ chức lao động toàn quốc đầu tiên, được đặt tên là Liên đoàn Lao động Quốc gia. Sylvis có những mục tiêu rất tham vọng. Không chỉ NLU chiến đấu với lương cao hơn và giờ làm việc ngắn hơn, Sylvis đã đưa hoạt động lao động vào đấu trường chính trị. NLU hỗ trợ pháp luật cấm lao động tù nhân, luật cải cách ruộng đất để giữ cổ phần công khai trong tay các nhà đầu cơ, và cải cách tiền tệ quốc gia để tăng giá nông nghiệp.

Nó mang lại cùng công nhân lành nghề và không có kỹ năng, cũng như nông dân. Liên đoàn Lao động Quốc gia đã ngừng việc thừa nhận người Mỹ gốc Phi. Xu hướng phân biệt chủng tộc của thời đại chiếm ưu thế, bất chấp sự khôn ngoan của việc đưa càng nhiều công nhân càng tốt vào nếp gấp. Thật không may, đối với NLU, nó đã cố gắng đại diện cho quá nhiều nhóm khác nhau. Nông dân có chương trình nghị sự riêng của họ, và công nhân lành nghề thường có những thực tế khác với những người không có kỹ năng. Khi Panic năm 1873 tấn công nước Mỹ, công đoàn đã bị tàn phá nặng nề. Ngay sau đó, Liên đoàn Lao động Quốc gia héo đi.

CÁC QUYỀN LAO ĐỘNG CỦA LAO ĐỘNG

Các Hiệp sĩ Lao động sớm được thừa hưởng lớp áo lao động có tổ chức. Bắt đầu bởi Uriah Stephens như một xã hội bí mật vào năm 1869, các Hiệp sĩ thừa nhận tất cả những người có thu nhập lương vào hàng ngũ của họ, bao gồm cả phụ nữ và người Mỹ gốc Phi. Triết lý rất đơn giản: lớp học quan trọng hơn chủng tộc hoặc giới tính. Đối với một nhóm như vậy ảnh hưởng đến chính phủ liên bang, hoàn thành tình đoàn kết sẽ được yêu cầu.

The Knights supported the entire political agenda of the NLU and more. They advocated limits on immigration, restrictions on child labor, and government ownership of railroads, telegraphs, and telephones. At the height of its membership in 1886, the Knights boasted 750,000 workers. Then disaster struck.

On May 1, 1886, International Workers Day, local chapters of the Knights went on strike demanding an eight-hour day for all laborers. At a rally in **Haymarket Square** in Chicago on May 4, someone threw a bomb into the crowd. One police officer died and several crowd members sustained injuries.

It was impossible to be sure who was responsible, but the American press, government, and general public blamed the Knights of Labor. Leader Terence Powderly condemned the bombing to no avail. Americans associated labor activity with anarchists and mob violence. Membership began to fall. Soon the Knights were merely a shadow of their former size. But labor leaders had learned some valuable lessons. The next national organization of workers would endure.



Các hiệp sĩ hỗ trợ toàn bộ chương trình nghị sự chính trị của NLU và nhiều hơn nữa. Họ ủng hộ các giới hạn về nhập cư, hạn chế lao động trẻ em và quyền sở hữu của chính phủ đối với đường sắt, điện báo và điện thoại. Ở đỉnh cao của thành viên vào năm 1886, các Hiệp sĩ tự hào có 750.000 công nhân. Rồi thảm họa xảy ra.

Vào ngày 1 tháng 5 năm 1886, ngày công nhân quốc tế, các chương địa phương của các Hiệp sĩ đã đình công đòi hỏi một ngày tám giờ cho tất cả người lao động. Tại một cuộc biểu tình tại Quảng trường Haymarket ở Chicago vào ngày 4 tháng 5, ai đó đã ném một quả bom vào đám đông. Một cảnh sát đã chết và một số thành viên đám đông bị thương.

Không thể chắc chắn ai là người chịu trách nhiệm, nhưng báo chí, chính phủ và công chúng nói chung đổ lỗi cho các Hiệp sĩ Lao động. Leader Terence Powderly lên án vụ đánh bom vô ích. Người Mỹ liên quan đến hoạt động lao động với vô chính phủ và bạo lực đám đông. Tư cách thành viên bắt đầu giảm. Chẳng bao lâu các Hiệp sĩ chỉ là một cái bóng của kích thước cũ của họ. Nhưng các nhà lãnh đạo lao động đã học được một số bài học quý giá. Tổ chức quốc gia tiếp theo của công nhân sẽ chịu đựng.

Primary Source: Drawing

An artist's rendition of the explosion at Haymarket Square in Chicago, Illinois on May 4, 1886. One police officer was killed. The violence turned many Americans against the labor movement and limited support for the Knights of Labor.

Nguồn chính: Vẽ

Buổi biểu diễn của nghệ sĩ về vụ nổ tại Quảng trường Haymarket ở Chicago, Illinois vào ngày 4 tháng 5 năm 1886. Một cảnh sát đã bị giết. Bạo lực đã khiến nhiều người Mỹ chống lại phong trào lao động và hỗ trợ giới hạn cho các Hiệp sĩ Lao động.

AMERICAN FEDERATION OF LABOR

Keep it simple. That was the mantra of labor leader **Samuel Gompers**. He was a diehard capitalist and saw no need for a radical restructuring of America. Gompers learned that the issues that workers cared about most deeply were personal. They wanted higher wages and better working conditions. These **bread and butter issues** would always unite the labor class. By keeping it simple, unions could avoid the pitfalls that had drawn the life from the National Labor Union and the Knights of Labor.

In December of 1886, the same year the Knights of Labor was dealt its fatal blow at Haymarket Square, Gompers met with the leaders

LIÊN LẠC LAO ĐỘNG MỸ

Giữ nó đơn giản. Đó là câu thần chú của nhà lãnh đạo lao động Samuel Gompers. Ông là một nhà tư bản độc tài và không thấy cần thiết phải tái cấu trúc triệt để nước Mỹ. Gompers biết được rằng những vấn đề mà người lao động quan tâm nhất là cá nhân. Họ muốn có mức lương cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn. Những vấn đề bánh mì và bơ sẽ luôn luôn đoàn kết các lớp lao động. Bằng cách giữ cho nó đơn giản, các công đoàn có thể tránh được những cạm bẫy đã rút ra cuộc sống của Liên đoàn Lao động Quốc gia và các Hiệp sĩ Lao động.

Vào tháng 12 năm 1886, cùng năm đó các Hiệp sĩ Lao động bị xử lý đòn chí tử tại Quảng trường Haymarket, Gompers đã gặp gỡ các nhà lãnh đạo của các công đoàn khác để thành lập Liên đoàn Lao động Hoa Kỳ. AFL là một

of other craft unions to form the **American Federation of Labor**. The AFL was a loose grouping of smaller craft unions, such as the masons' union, the hat makers' union or Gompers's own cigar makers' union. Every member of the AFL was therefore a skilled worker.

Gompers had no visions of uniting the entire working class. Tradespeople were in greater demand and already earned higher wages than their unskilled counterparts. Gompers knew that the AFL would have more political and economic power if unskilled workers were excluded. He served as president of the union every year except one until his death in 1924.

Although conservative in nature, Gompers was not afraid to call for a strike or a boycott. The larger AFL could be used to support these actions, as well as provide relief for members engaged in a work stoppage. By refusing to pursue a radical program for political change, Gompers maintained the support of the American government and public. By 1900, the ranks of the AFL swelled to over 500,000 tradespeople. Gompers was seen as the unofficial leader of the labor world in America.



Simplicity worked. Although the bosses still had the upper hand with the government, unions were growing in size and status. There were over 20,000 strikes in America in the last two decades of the 19th century. Workers lost about half, but in many cases their demands were completely or partially met. The AFL served as the preeminent national labor organization until the Great Depression when unskilled workers finally came together. Smart leadership, patience, and realistic goals made life better for the hundreds of thousands of working Americans it served.

nhóm lỏng lẻo các công đoàn thủ công nhỏ hơn, chẳng hạn như liên minh thợ xây, liên minh các nhà sản xuất mũ hoặc liên minh các nhà sản xuất xì gà riêng của Gompers. Do đó, mỗi thành viên của AFL đều là một công nhân lành nghề.

Gompers không có tầm nhìn thống nhất toàn bộ tầng lớp lao động. Người giao dịch có nhu cầu lớn hơn và đã kiếm được mức lương cao hơn so với các đối tác không có kỹ năng của họ. Gompers biết rằng AFL sẽ có nhiều quyền lực chính trị và kinh tế hơn nếu những người lao động không có kỹ năng bị loại trừ. Ông từng là chủ tịch của công đoàn mỗi năm trừ một cho đến khi ông qua đời vào năm 1924.

Mặc dù bảo thủ trong tự nhiên, Gompers không ngại gọi cho một cuộc đình công hoặc tẩy chay. AFL lớn hơn có thể được sử dụng để hỗ trợ các hành động này, cũng như cung cấp cứu trợ cho các thành viên tham gia ngừng hoạt động. Bằng cách từ chối theo đuổi một chương trình cấp tiến để thay đổi chính trị, Gompers duy trì sự hỗ trợ của chính phủ Mỹ và công chúng. Đến năm 1900, các cấp bậc của AFL đã tăng lên hơn 500.000 người. Gompers được xem là lãnh đạo không chính thức của thế giới lao động ở Mỹ.

Primary Source: Drawing

An artist's rendition of the violent clash between the National Guard and striking Pullman Car Company workers.

Nguồn chính: Vẽ

Biểu hiện của một nghệ sĩ về cuộc đụng độ bạo lực giữa Cảnh sát Quốc gia và những nhân viên Công ty Xe hơi Pullman nổi bật.

Đơn giản làm việc. Mặc dù các ông chủ vẫn có ưu thế với chính phủ, các đoàn thể đã phát triển về quy mô và địa vị. Đã có hơn 20.000 vụ đình công ở Mỹ trong hai thập niên cuối của thế kỷ 19. Người lao động mất khoảng một nửa, nhưng trong nhiều trường hợp, nhu cầu của họ đã được đáp ứng hoàn toàn hoặc một phần. AFL phục vụ như là tổ chức lao động quốc gia ưu việt cho đến khi cuộc Đại suy thoái khi công nhân không có kỹ năng cuối cùng đến với nhau. Sự lãnh đạo thông minh, kiên nhẫn và mục tiêu thực tế đã giúp cuộc sống tốt đẹp hơn cho hàng trăm ngàn người Mỹ làm việc mà họ phục vụ.

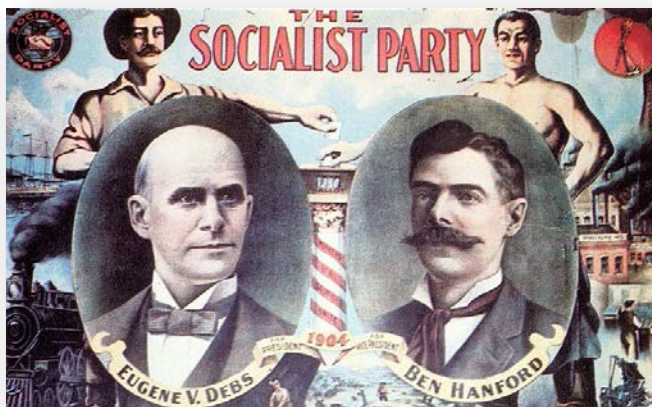
EUGENE V. DEBS AND AMERICAN SOCIALISM

Despite the success of the American Federation of Labor, American radicalism was not dead. The number of those who felt the American capitalist system was fundamentally flawed was in fact growing fast.

American **socialists** based their beliefs on the writings of Karl Marx, the German philosopher. Many asked why so many working Americans should have so little while a few owners grew incredibly wealthy. No wealth could exist without the sweat and blood of its workforce. They suggested that the government should own all industries and divide the profits among those who actually created the products. While the current management class would stand to lose, many more people would gain. These radicals grew in number as industries spread. But their enemies were legion.

Eugene Debs was born in Terre Haute, Indiana in 1855 to a family of French immigrants. Making his way in the railroad industry, Debs formed the American Railway Union in 1892.

Two years later he found himself leading one of the largest strikes in American history, the great **Pullman Strike**. When its workers refused to accept a pay cut, The Pullman Car Company fired 5,000 employees. To show support, Debs called for the members of the American Railway Union to refrain from operating any trains that used Pullman cars. When the strike was declared illegal by a court injunction, chaos erupted. President Cleveland ordered federal troops to quell the strikers and Debs was arrested. Order was restored and the strike failed.



Debs was not originally a socialist, but his experience with the Pullman Strike and his subsequent six-month jail term led him to believe that drastic action was necessary. Debs chose to confine his activity to the political arena. In 1900 he ran for President as a socialist and garnered some 87,000 votes.

EUGENE V. DEBS VÀ XÃ HỘI NGHIỆN CỨU

Mặc dù thành công của Liên đoàn Lao động Mỹ, chủ nghĩa cấp tiến của Mỹ đã không chết. Số lượng những người cảm thấy hệ thống tư bản người Mỹ về cơ bản là thiếu sót trong thực tế đang phát triển nhanh chóng.

Các nhà xã hội chủ nghĩa Mỹ dựa trên niềm tin của họ vào các tác phẩm của Karl Marx, nhà triết học người Đức. Nhiều người hỏi tại sao rất nhiều người Mỹ làm việc nên có quá ít trong khi một số chủ sở hữu tăng trưởng vô cùng giàu có. Không có sự giàu có có thể tồn tại mà không có mồ hôi và máu của lực lượng lao động của nó. Họ cho rằng chính phủ nên sở hữu tất cả các ngành công nghiệp và chia lợi nhuận cho những người thực sự tạo ra sản phẩm. Trong khi lớp quản lý hiện tại sẽ bị mất, nhiều người hơn sẽ đạt được. Các gốc tự do này tăng lên về số lượng khi các ngành phát tán. Nhưng kẻ thù của họ là quân đoàn.

Eugene Debs sinh ra ở Terre Haute, Indiana năm 1855 cho một gia đình người Pháp nhập cư. Làm theo cách của mình trong ngành công nghiệp đường sắt, Debs thành lập Liên minh đường sắt Mỹ năm 1892.

Hai năm sau, anh thấy mình dẫn đầu một trong những cuộc đình công lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ, cuộc đình công tuyệt vời của Pullman. Khi công nhân của họ từ chối chấp nhận cắt giảm lương, Công ty xe hơi Pullman đã sa thải 5.000 nhân viên. Để thể hiện sự hỗ trợ, Debs đã kêu gọi các thành viên của Liên minh Đường sắt Hoa Kỳ hạn chế hoạt động bất cứ chuyến tàu nào sử dụng xe hơi của Pullman. Khi cuộc đình công được tuyên bố bất hợp pháp bởi lệnh tòa, sự hỗn loạn nổ ra. Tổng thống Cleveland đã ra lệnh cho quân đội liên bang đập tắt các tiền đạo và Debs đã bị bắt giữ. Đơn đặt hàng đã được khôi phục và cảnh cáo không thành công.

Primary Source: Campaign Poster

1904 poster celebrating Socialist Party candidate Eugene Debs.

Nguồn chính: Áp phích chiến dịch

1904 poster kỷ niệm ứng cử viên Đảng Xã hội Eugene Debs.

Debs ban đầu không phải là một nhà xã hội chủ nghĩa, nhưng kinh nghiệm của ông với cuộc đình công của Pullman và sáu tháng tù giam sau đó đã khiến ông tin rằng hành động quyết liệt là cần thiết. Debs đã chọn để hạn chế hoạt động của mình để đấu tranh chính trị. Năm 1900, ông tranh cử Tổng thống với tư cách là một nhà xã hội chủ nghĩa và thu hút khoảng 87.000 phiếu bầu.

The following year, leading sympathizers joined with him to form the **Socialist Party**. At its height, the party numbered over 100,000 active members. Debs ran for President four more times. In the election of 1912 he received over 900,000 votes. After being arrested for antiwar activities during World War I, he ran for President from his jail cell and polled 919,000 votes. Debs died in 1926 having never won an election, but over one thousand Socialist Party members were elected to state and city governments.

Năm sau, những người thông cảm hàng đầu đã tham gia với anh ta để thành lập Đảng Xã hội. Ở độ cao của nó, nhóm đã đánh số hơn 100.000 thành viên tích cực. Debs đã tranh cử Tổng thống bốn lần nữa. Trong cuộc bầu cử năm 1912, ông đã nhận được hơn 900.000 phiếu bầu. Sau khi bị bắt vì các hoạt động chống chiến tranh trong Thế chiến thứ nhất, ông đã tranh cử Tổng thống từ phòng giam của mình và bỏ phiếu cho 919.000 phiếu bầu. Debs qua đời vào năm 1926 chưa bao giờ thắng cuộc bầu cử, nhưng hơn một nghìn đảng viên đảng Xã hội đã được bầu vào chính phủ bang và thành phố.

Primary Source: Editorial Cartoon

A cartoon critical of the IWW and destroyers of America.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Một phim hoạt hình quan trọng của IWW và tàu khu trục của Mỹ.



THE WOBBLIES

Even more radical than the Socialists were the members of the **Industrial Workers of the World**. This union believed that compromise with owners was no solution. Founded in 1905 and led by **William "Big Bill" Haywood**, the Wobblies as they were called, encouraged their members to fight for justice directly against their employers. Although small in number, they led hundreds of strikes across America, calling for the overthrow of the capitalist system. The IWW won few battles, but their efforts sent a strong message across America that workers were being mistreated.

THE WOBBLIES

Thậm chí còn triệt để hơn các nhà xã hội chủ nghĩa là các thành viên của các công nhân công nghiệp của thế giới. Liên minh này tin rằng thỏa hiệp với chủ sở hữu là không có giải pháp. Được thành lập vào năm 1905 và dẫn đầu bởi William "Big Bill" Haywood, Wobblies khi họ được gọi, khuyến khích các thành viên của họ đấu tranh cho công lý trực tiếp chống lại chủ nhân của họ. Mặc dù nhỏ về số lượng, họ đã lãnh đạo hàng trăm cuộc đình công trên khắp nước Mỹ, kêu gọi lật đổ hệ thống tư bản. IWW đã giành được vài trận chiến, nhưng những nỗ lực của họ đã gửi một thông điệp mạnh mẽ trên khắp nước Mỹ rằng các công nhân đã bị ngược đãi.

When the United States entered World War I, the Wobblies launched an active antiwar movement. Many were arrested or beaten. One unlucky member in Oregon was tied to the front end of an automobile with his knees touching the ground and driven until his flesh was torn to the bone. Membership declined after the war, but for two decades the IWW was the anchor of radical American activism.

THEODORE ROOSEVELT

Workers rarely found a helping hand in the White House. President Hayes ordered the army to break the Great Railroad Strike of 1877. President Cleveland ordered federal troops to disrupt the Pullman Strike of 1894. Governors and mayors used the National Guard and police to confront workers on strike.

When Pennsylvania coal miners went on strike in 1902, there was no reason to believe anything had changed. But this time things were different. Teddy Roosevelt was in the White House.

John Mitchell, president of the United Mine Workers, represented the miners. He was soft-spoken, yet determined. Many compared his manner to Abraham Lincoln's. In the spring of 1902, Mitchell placed a demand on the coal operators for better wages, shorter hours, and recognition of the union. The owners, led by George Baer, flatly refused. On May 12, 1902, 140,000 miners walked off the job, and the strike was on.

Mitchell worked diligently behind the scenes to negotiate with Baer, but his efforts were rejected. According to Baer, there would be no compromise. Even luminaries such Mark Hanna and J.P. Morgan prevailed in vain on the owners to open talks. As the days passed, the workers began to feel the pinch of the strike, and violence began to erupt.

As summer melted into fall, and President Roosevelt wondered what the angry workers and a colder public would do if the strike lasted into the bitter days of winter. He decided to lend a hand in settling the strike.

No President had ever tried to negotiate a strike settlement before. Roosevelt invited Mitchell and Baer to the White House on October 3 to hammer out a compromise. Mitchell proposed to submit to an arbitration commission. In **arbitration**, all sides presented their arguments to an outside person, the arbitrator, and then agree to abide by the arbitrator's decision. Baer resented the summons by the President to meet a "common criminal" like Mitchell, and refused any sort of concession.

Roosevelt despaired that the violence would increase and spiral dangerously toward a class-based civil war. After the mine operators left Washington, he vowed to end the strike. He was impressed by Mitchell's gentlemanly demeanor and irritated by

Khi Hoa Kỳ bước vào Thế chiến thứ nhất, các Wobblies đã khởi động một phong trào chống chiến tranh tích cực. Nhiều người bị bắt hoặc bị đánh đập. Một thành viên không may mắn ở Oregon bị trói vào đầu phía trước của một chiếc ô tô với đầu gối chạm vào mặt đất và bị đẩy cho đến khi xác thịt bị rách xương. Tư cách thành viên bị từ chối sau chiến tranh, nhưng trong hai thập kỷ, IWW là nơi neo đậu của các hoạt động cấp tiến của Mỹ.

THEODORE ROOSEVELT

Công nhân hiếm khi tìm thấy một bàn tay giúp đỡ trong Nhà Trắng. Tổng thống Hayes đã ra lệnh cho quân đội phá vỡ Great Railroad Strike năm 1877. Tổng thống Cleveland đã ra lệnh cho quân đội liên bang phá vỡ cuộc đình công của Pullman năm 1894. Các thống đốc và thị trưởng đã sử dụng Cảnh sát và Cảnh sát Quốc gia để đối đầu với công nhân đình công.

Khi các thợ mỏ than ở Pennsylvania bị đình công vào năm 1902, không có lý do gì để tin rằng bất cứ điều gì đã thay đổi. Nhưng lần này mọi chuyện khác nhau. Teddy Roosevelt đang ở trong Nhà Trắng.

John Mitchell, chủ tịch của Công ty Mỏ Hoa Kỳ, đại diện cho các thợ mỏ. Anh ta nói nhẹ nhàng, nhưng vẫn quyết tâm. Nhiều người so sánh theo cách của mình với Abraham Lincoln. Vào mùa xuân năm 1902, Mitchell đã đặt một nhu cầu về các nhà khai thác than để có mức lương tốt hơn, thời gian ngắn hơn và sự công nhận của công đoàn. Các chủ sở hữu, dẫn đầu bởi George Baer, thẳng thừng từ chối. Vào ngày 12 tháng 5 năm 1902, 140.000 thợ mỏ đã bỏ công việc, và cuộc đình công đã diễn ra.

Mitchell làm việc siêng năng đằng sau hậu trường để đàm phán với Baer, nhưng những nỗ lực của ông đã bị từ chối. Theo Baer, sẽ không có sự thỏa hiệp. Ngay cả những ngôi sao sáng như Mark Hanna và J.P. Morgan đã thẳng thừng vô ích về chủ sở hữu để mở các cuộc đàm phán. Khi những ngày trôi qua, những người lao động bắt đầu cảm thấy bị vướng vào cuộc đình công, và bạo lực bắt đầu bùng nổ.

Khi mùa hè tan biến vào mùa thu, và Tổng thống Roosevelt tự hỏi những công nhân giận dữ và công chúng lạnh lùng sẽ làm gì nếu cuộc đình công kéo dài vào những ngày cay đắng của mùa đông. Anh quyết định giúp một tay trong việc giải quyết cuộc đình công.

Không có Tổng thống nào từng cố thương lượng một cuộc đình công đình công trước đây. Roosevelt mời Mitchell và Baer đến Nhà Trắng vào ngày 3 tháng 10 để dập tắt một thỏa hiệp. Mitchell đề nghị nộp cho một ủy ban trọng tài. Trong trọng tài, tất cả các bên trình bày lý lẽ của họ cho một người bên ngoài, trọng tài viên, và sau đó đồng ý tuân theo quyết định của trọng tài viên. Baer đã từ bỏ các lệnh triệu tập của Tổng thống để gặp một "tội phạm thông thường" như Mitchell, và từ chối bất kỳ sự nhượng bộ nào.

Roosevelt tuyệt vọng rằng bạo lực sẽ tăng lên và xoắn ốc nguy hiểm đối với một cuộc nội chiến dựa trên lớp học. Sau khi các nhà khai thác mỏ rời Washington, ông thề sẽ chấm dứt cuộc đình công. Anh rất ấn tượng với thái độ lịch sự của Mitchell và bị kích thích bởi sự xác xược của Baer.

Baer's insolence. Roosevelt remarked that if he weren't president, he would have thrown Baer out of a White House window.

He summoned Secretary of War Elihu Root, and ordered him to prepare the army. This time, however, the army would not be used against the strikers. The coal operators were informed that if no settlement were reached, the army would seize the mines and make coal available to the public. Roosevelt did not seem to mind that he had no constitutional authority to do any such thing.

J.P. Morgan finally convinced Baer and the other owners to submit the dispute to a commission. On October 15, the strike ended. The following March, a decision was reached by the mediators. The miners were awarded a 10 percent pay increase, and their workday was reduced to eight or nine hours. In exchange, the owners were not forced to recognize the United Mine Workers.

Workers across America cheered Roosevelt for standing up to the mine operators. It surely seemed like the White House would lend a helping hand to the labor movement.

CONCLUSION

Owners held the upper hand at the start of the Gilded Age, but as they grew in number, workers began to form unions and fought for more control over their pay and working conditions. In the beginning, government usually supported the owners, but by the 1900s, politicians viewed themselves as arbitrators, trying to help the two sides come to agreement.

There were other options. Men like Eugene Debs wanted to eliminate owners entirely and give all the profits to the workers. These socialists never won enough support to put their ideas into practice in America, but they offered an alternative.

What do you think? Who should be in charge, workers or owners?

Roosevelt nhận xét rằng nếu anh ta không phải là tổng thống, anh ta sẽ ném Baer ra khỏi cửa sổ Nhà Trắng.

Anh triệu hồi Bộ trưởng Chiến tranh Elihu Root, và ra lệnh cho anh chuẩn bị quân đội. Lần này, tuy nhiên, quân đội sẽ không được sử dụng chống lại các tiền đạo. Các nhà khai thác than đã được thông báo rằng nếu không có giải quyết đạt được, quân đội sẽ nắm bắt các mỏ và làm cho than có sẵn cho công chúng. Roosevelt dường như không bận tâm rằng ông không có quyền hạn hiến pháp để làm bất cứ điều gì như vậy.

J.P. Morgan cuối cùng đã thuyết phục Baer và các chủ sở hữu khác gửi tranh chấp cho một ủy ban. Vào ngày 15 tháng 10, cuộc đình công kết thúc. Tháng Ba sau, một người quyết định đã đạt được quyết định. Các thợ mỏ đã được trao tặng 10 phần trăm tiền lương, và ngày làm việc của họ đã được giảm xuống còn tám hoặc chín giờ. Đổi lại, các chủ sở hữu không bị bắt buộc phải nhận ra Công nhân Mỏ Hoa Kỳ.

Công nhân trên khắp nước Mỹ cổ vũ Roosevelt để đứng lên các nhà khai thác mỏ. Nó chắc chắn có vẻ như Nhà Trắng sẽ giúp một tay giúp đỡ phong trào lao động.

PHẦN KẾT LUẬN

Chủ sở hữu nắm tay cao hơn là sự khởi đầu của Thời kỳ Mạ vàng, nhưng khi họ tăng về số lượng, công nhân bắt đầu hình thành các đoàn thể và chiến đấu để kiểm soát nhiều hơn tiền lương và điều kiện làm việc của họ. Ban đầu, chính phủ thường ủng hộ các chủ sở hữu, nhưng vào những năm 1900, các chính khách coi mình là trọng tài, cố gắng giúp hai bên thống nhất.

Có những lựa chọn khác. Những người đàn ông như Eugene Debs muốn loại bỏ hoàn toàn chủ sở hữu và cung cấp tất cả lợi nhuận cho công nhân. Những người xã hội chủ nghĩa này chưa bao giờ giành được đủ sự hỗ trợ để đưa ý tưởng của họ vào thực tế ở Mỹ, nhưng họ đã đưa ra một giải pháp thay thế.

Bạn nghĩ sao? Ai nên chịu trách nhiệm, công nhân hoặc chủ sở hữu?

SUMMARY

The period after the Civil War saw a growth of labor unions. The Great Upheaval of 1877 was the nation's first mass strike as workers in the railroad industry started a strike that spread and was supported by striking workers across the nation.

Labor unions used boycotts and strikes to stop work and try to force owners to meet their demands. Owners locked out workers and hired scabs to break strikes. Most strikes in the late 1800s went badly for workers. A large number of immigrants were willing to work for low wages and take the place of striking workers. Government usually supported owners and the police and army broke strikes at Carnegie's steel plant in Pittsburgh and a strike at the Pullman railroad car factory in Chicago.

The first major union was the Knights of Labor. They lost support after the Haymarket Square Riot.

A new union grew as the Knights of Labor fell out of favor. The American Federation of Labor was led by Samuel Gompers and focused on basic issues like wages and working conditions instead of political reform. The AFL was a composite of many smaller craft unions, so they did not represent unskilled workers.

Eugene Debs led the American Socialist Party. This group wanted to change America's system of government. They wanted to take leadership of the nation's industries away for the rich. Although they were popular with workers, they never gained the support of more than a small percentage of all Americans.

A more extreme group were the Industrial Workers of the World. They wanted a violent revolution to take power away for the wealthy and the overthrow the government. Although Americans rejected these ideas, they eventually caught on in Russia and led to the Communist Revolution there in 1917.

TÓM LƯỢC

Thời kỳ sau Nội chiến chứng kiến sự phát triển của các công đoàn lao động. Cuộc đại chiến năm 1877 là cuộc đình công hàng loạt đầu tiên của quốc gia khi các công nhân trong ngành đường sắt bắt đầu một cuộc đình công lan rộng và được hỗ trợ bởi các công nhân đình công trên toàn quốc.

Các công đoàn lao động đã sử dụng tẩy chay và đình công để dừng công việc và cố gắng buộc các chủ sở hữu phải đáp ứng nhu cầu của họ. Chủ sở hữu khóa công nhân và thuê vạ để phá vỡ các cuộc đình công. Hầu hết các cuộc đình công vào cuối những năm 1800 đã trở nên tồi tệ cho công nhân. Một số lượng lớn người nhập cư sẵn sàng làm việc với mức lương thấp và thay thế công nhân đình công. Chính phủ thường hỗ trợ các chủ sở hữu và cảnh sát và quân đội đã phá vỡ các cuộc đình công tại nhà máy thép Carnegie, ở thành phố Pittsburgh và một cuộc đình công tại nhà máy xe lửa của đường sắt Pullman ở Chicago.

Liên minh lớn đầu tiên là Hiệp sĩ Lao động. Họ đã mất hỗ trợ sau cuộc bạo loạn Haymarket Square.

Một liên minh mới phát triển khi các Hiệp sĩ Lao động không được ủng hộ. Liên đoàn Lao động Mỹ do Samuel Gompers lãnh đạo và tập trung vào các vấn đề cơ bản như tiền lương và điều kiện làm việc thay vì cải cách chính trị. AFL là tổng hợp của nhiều công đoàn thủ công nhỏ hơn, vì vậy họ không đại diện cho những người lao động không có kỹ năng.

Eugene Debs lãnh đạo Đảng Xã hội Hoa Kỳ. Nhóm này muốn thay đổi hệ thống chính phủ của Mỹ. Họ muốn giành quyền lãnh đạo của các ngành công nghiệp quốc gia dành cho người giàu. Mặc dù họ rất phổ biến với công nhân, nhưng họ không bao giờ có được sự ủng hộ của hơn một tỷ lệ nhỏ của tất cả người Mỹ.

Một nhóm cực đoan hơn là Công nhân Công nghiệp Thế giới. Họ muốn một cuộc cách mạng bạo lực để giành quyền lực cho những người giàu có và lật đổ chính quyền. Mặc dù người Mỹ đã bác bỏ những ý tưởng này, cuối cùng họ đã bắt gặp ở Nga và dẫn đến cuộc Cách mạng Cộng sản ở đó vào năm 1917.



KEY CONCEPTS

Union: An organization of workers. They work together to negotiate for better pay, hours, working conditions, etc. Sometimes they organize strikes or other forms of protest.

Mass Strike: A strike in which the workers in many locations stop work at the same time. One example was the Great Upheaval in 1877 when nearly all railroad operations in America stopped.

Boycott: When workers convince consumers to not purchase goods from a particular business. If it succeeds, the business owners capitulate to the workers' demands because of the fear of lost revenue.

Sabotage: Purposeful destruction of property as a form of protest.

Lockout: When owners close the doors to their business and refuse to let workers in. It is a way of limiting the power of unions.

Yellow-Dog Contract: An agreement a worker must sign when starting a job agreeing not to join a union.

Scab: A replacement worker hired during a strike.

Picket Line: The line made up of striking workers outside a business. Workers usually carry signs, chant, and try to prevent scabs from entering to take their jobs.

Blacklist: A list of union leaders passed around among business owners. These men and women would not be hired because they might cause problems for the owners.

Bread and Butter Issues: Nickname for the basic concerns of workers such as better pay, fewer working hours, and safety. In contrast to larger concerns such as racial or gender equality.

Socialist: A follower of Karl Marx. They believed that workers should share the financial rewards of their labor and companies should be owned collectively.

Arbitration: A way of solving disputes in which both sides agree to abide by the decision of an outside, non-biased party.



PEOPLE AND GROUPS

National Labor Union: Early national union formed in 1866. It failed because the organizers tried to include too many different workers who did not always agree on objectives or strategy.

Knights of Labor: Early successful union formed by Uriah Stephens. They admitted all wage earners including African Americans and women. They grew in popularity but weakened after the Haymarket Square incident in 1886.

Samuel Gompers: Founder of the American Federation of Labor

American Federation of Labor: Labor union founded by Samuel Gompers in 1886. It was formed by joining smaller unions of skilled workers.

Eugene Debs: Socialist union leader. He led the Pullman strike and ran unsuccessfully for president as a Socialist Party candidate.

Socialist Party: Small political party in America that was popular for a short time in the late 1800s. Eugene Debs led the party and ran for president as its candidate.

Industrial Workers of the World: Socialist political party led by Big Bill Haywood. Nicknamed the Wobblies, they advocated violent overthrow of the government and capitalist system.

William "Big Bill" Haywood: Founder and leader of the International Workers of the World.



EVENTS

Great Upheaval: Mass strike in 1877 that started in West Virginia but spread as many railroad workers went on strike.

Haymarket Square Incident: Sometimes called a riot, it was a labor rally in Chicago in 1886 in which a bomb exploded killing a police officer and injuring many others. Labor leaders were blamed for the violence and it led to reduced public support for unions, and especially for the Knights of Labor.

Pullman Strike: Strike by workers at the Pullman Car Company (which built railway cars) in 1894. It turned violent and failed when the government ordered federal troops to end the strike.

4

F O U R T H Q U E S T I O N HOW SHOULD GOVERNMENT BALANCE THE POWER OF THE SOCIAL CLASSES?

IS GREED
GOOD?

INTRODUCTION

The politics of the first few years of our nation's history were dominated by heroic presidents – Washington, Adams, Jefferson. And as the years went on, other dynamic men had a tremendous effect on America – Jackson, Polk, Lincoln.

Then, after the Civil War, power moved to the Capitol Building and Congress set the nation's agenda. As the industrial revolution transformed American cities and the lives of workers, the White House did little to guide reform or protect Americans from corruption and mistreatment.

That changed in 1901 when Theodore Roosevelt stepped into the Oval Office. He used his position to promote an active government that protected the interests of the people over big business. The Progressive movement finally had an ally in the White House. The Progressive lock on the Presidency did not end with Theodore Roosevelt. His popularity secured the election in 1908 of his handpicked successor, William Howard Taft, and in 1912, a Democrat, Woodrow Wilson was elected, but he too embraced much of the Progressive agenda.

The two halves of the Gilded Age give us window into the role government has to play in balancing the interests of workers and owners. Before Roosevelt's presidency, government pursued policies that favored business, and business boomed. Once the Progressives moved into the White House, laws were passed that protected workers, and the wild growth slowed.

What do you think? How should government balance the power of the social classes?

GIỚI THIỆU

Chính trị của những năm đầu tiên trong lịch sử quốc gia của chúng ta bị chi phối bởi các tổng thống anh hùng - Washington, Adams, Jefferson. Và như những năm tiếp theo, những người đàn ông năng động khác đã có một tác động to lớn đến Mỹ - Jackson, Polk, Lincoln.

Sau đó, sau Nội chiến, quyền lực được chuyển đến Tòa nhà Quốc hội và Quốc hội đã thiết lập chương trình nghị sự của quốc gia. Khi cuộc cách mạng công nghiệp chuyển đổi các thành phố của Mỹ và cuộc sống của người lao động, Nhà Trắng đã làm ít để hướng dẫn cải cách hoặc bảo vệ người Mỹ khỏi tham nhũng và ngược đãi.

Điều đó đã thay đổi vào năm 1901 khi Theodore Roosevelt bước vào Văn phòng Bầu dục. Ông đã sử dụng vị trí của mình để thúc đẩy một chính phủ tích cực bảo vệ quyền lợi của những người trên doanh nghiệp lớn. Phong trào tiến bộ cuối cùng đã có một đồng minh trong Nhà Trắng. Khóa lũy tiến trên Tổng thống không kết thúc với Theodore Roosevelt. Sự nổi tiếng của ông đã đảm bảo cuộc bầu cử vào năm 1908 của người kế nhiệm được lựa chọn cẩn thận của ông, William Howard Taft, và vào năm 1912, một đảng Dân chủ, Woodrow Wilson được bầu, nhưng ông cũng chấp nhận nhiều chương trình nghị sự tiến bộ.

Hai nửa của thời kỳ hoàng gia cho chúng ta cửa sổ vào vai trò chính phủ phải chơi trong việc cân bằng lợi ích của người lao động và chủ sở hữu. Trước khi tổng thống của Roosevelt, chính phủ theo đuổi các chính sách ủng hộ kinh doanh và kinh doanh bùng nổ. Một khi các tiến bộ chuyển vào Nhà Trắng, luật pháp đã được thông qua rằng công nhân được bảo vệ, và sự tăng trưởng hoang dã chậm lại.

Bạn nghĩ sao? Chính phủ nên cân bằng sức mạnh của các tầng lớp xã hội như thế nào?

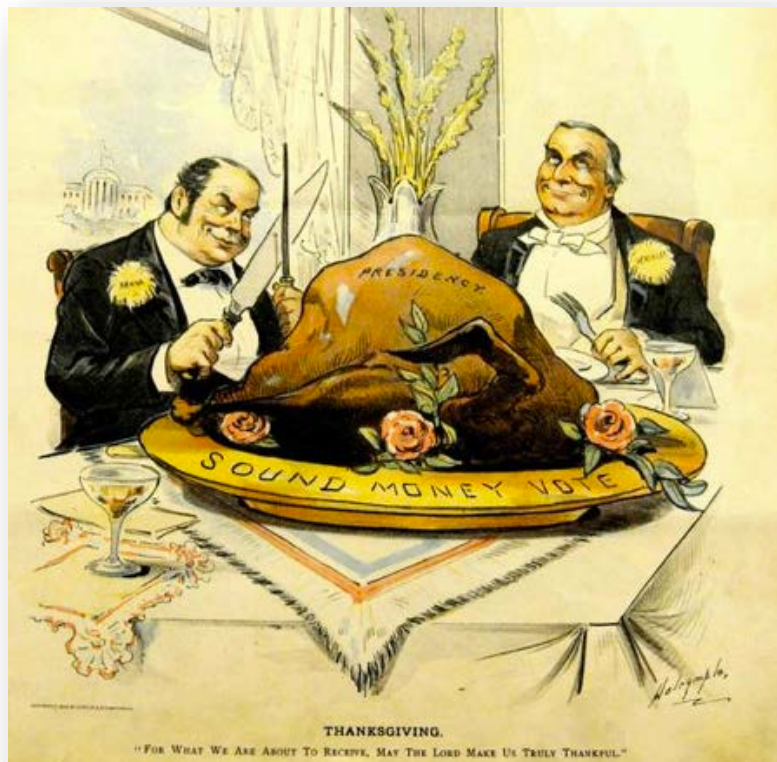
PROGRESSIVES IN THE WHITE HOUSE

Theodore Roosevelt was born in 1858 to a wealthy New York banker and the daughter of a prosperous Georgia planter. He was anything but the model physical specimen. His eyesight was poor. He wore thick glasses his entire life. As a child he was small and weak. He suffered from acute asthma, which contributed to his frailty.

Taking his father's advice, he dedicated himself to physical fitness, without which he believed there could be no mental fitness. His hard work paid off, and as he entered Harvard with a muscular frame, his condition bothered him less and less.

He met Alice Hathaway Lee. Although he believed her to be the most unobtainable woman around, he was determined to marry her. Again, he was successful, but his life with Alice was short-lived. In 1884, four years after his graduation, Alice delivered a daughter. Owing to complications, she died in childbirth on the very same day as the death of Roosevelt's mother.

Devastated, he withdrew to North Dakota Territory, but could not live without the New York pace for long. Returning to New York in 1886, Roosevelt remarried and dedicated his life to public service.



Theodore Roosevelt was never supposed to be President. Many in the Republican Party leadership saw him as a reckless cowboy,

TIẾN ĐỘ TRONG NHÀ TRẮNG

Theodore Roosevelt sinh năm 1858 cho một chủ ngân hàng giàu có ở New York và là con gái của một người trồng Georgia thịnh vượng. Ông là bất cứ điều gì nhưng mô hình vật lý mô hình. Thị lực của anh kém. Anh đeo kính dày cả đời. Khi còn bé, cậu bé nhỏ và yếu. Ông bị hen suyễn cấp tính, góp phần vào sự yếu đuối của mình.

Nhận lời khuyên của cha mình, ông dành riêng mình để thể dục thể chất, mà không có mà ông tin rằng có thể không có tập thể dục tinh thần. Công việc vất vả của anh đã được đền đáp, và khi anh bước vào Harvard với một khung hình cơ bắp, tình trạng của anh làm anh bớt căng thẳng.

Anh gặp Alice Hathaway Lee. Mặc dù anh tin cô là người phụ nữ khó chịu nhất, anh quyết tâm cưới cô. Một lần nữa, ông đã thành công, nhưng cuộc sống của mình với Alice đã sống ngắn. Năm 1884, bốn năm sau khi tốt nghiệp, Alice đã sinh con gái. Do biến chứng, cô chết trong khi sinh con vào cùng ngày với cái chết của mẹ Roosevelt.

Bị tàn phá, ông đã rút lui đến Lãnh thổ Bắc Dakota, nhưng không thể sống mà không có tốc độ của New York trong thời gian dài. Trở về New York vào năm 1886, Roosevelt tái hôn và cống hiến cuộc sống của mình cho dịch vụ công cộng.

Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, President McKinley (right) and his advisor Mark Hanna are seen carving up the benefits of power. It depicts Hanna as equal in power to the president.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Trong phim hoạt hình này, Chủ tịch McKinley (bên phải) và cố vấn Mark Hanna của ông được nhìn thấy khắc phục những lợi ích của quyền lực. Nó mô tả Hanna ngang bằng quyền lực với tổng thống.

Theodore Roosevelt không bao giờ được coi là Tổng thống. Nhiều người trong giới lãnh đạo Đảng Cộng hòa đã xem ông là một chàng cao bồi liều lĩnh, đặc biệt là

especially Senator **Mark Hanna**, President McKinley's campaign manager. As his popularity soared, he became more and more of a threat. His success with the Rough Riders in Cuba made him a war hero in the eyes of many Americans. Riding this wave, he was elected governor of New York.

During the campaign of 1900, Hanna decided that nominating Roosevelt for the Vice-Presidency would serve two purposes. First, his popularity would surely help President McKinley's reelection bid. Second, moving him to the Vice-Presidency might decrease his power, since the Constitution gives very little authority to the vice-president.



Vice-Presidents had gone on to the White House only if the sitting President died in office. The last Vice-President elected in his own right had been Martin Van Buren in 1837. Many conservative Republicans believed Roosevelt could do less harm as vice-president than as governor of New York.

Thượng nghị sĩ Mark Hanna, giám đốc chiến dịch của Tổng thống McKinley. Khi sự nổi tiếng của anh tăng vọt, anh càng ngày càng trở thành mối đe dọa. Thành công của anh với Rough Riders ở Cuba khiến anh trở thành một anh hùng chiến tranh trong mắt nhiều người Mỹ. Cưỡi làn sóng này, ông được bầu làm thống đốc bang New York.

Trong chiến dịch năm 1900, Hanna đã quyết định rằng việc đề cử Roosevelt cho chức vụ Phó chủ tịch sẽ phục vụ hai mục đích. Đầu tiên, sự nổi tiếng của ông chắc chắn sẽ giúp Tổng thống McKinley chinh đấu thầu. Thứ hai, chuyển anh ta sang chức vụ Phó chủ tịch có thể làm giảm quyền lực của anh ta, vì Hiến pháp trao rất ít quyền hạn cho phó tổng thống.

Primary Source: Photograph

Teddy Roosevelt during his time as governor of New York. This well-known photograph captures Roosevelt's zeal and charismatic personality.

Nguồn chính: Ảnh

Teddy Roosevelt trong thời gian làm thống đốc của New York. Bức ảnh nổi tiếng này thu hút tính cách nhiệt tình và lôi cuốn của Roosevelt.

Các Phó Tổng thống đã vào Nhà Trắng chỉ khi Tổng thống ngồi chết trong văn phòng. Phó tổng thống cuối cùng được bầu trong quyền riêng của ông là Martin Van Buren vào năm 1837. Nhiều người Cộng hòa bảo thủ tin rằng Roosevelt có thể làm hại ít hơn với tư cách phó chủ tịch hơn là thống đốc bang New York.

McKinley and Roosevelt won the election, and all was proceeding according to plan until an assassin's bullet ended McKinley's life in September 1901.

There had never been a President like him. At only 42-years-old, Roosevelt was the youngest president ever. His energy was contagious, and the whole country was electrified by their new leader.

Soon it was clear that a new type of President was in town. Since Lincoln's death in 1865, Congress seemed to be running the government, and big business seemed to be running Congress. Philosophically, Roosevelt was outraged by these realities. Although he himself hailed from the wealthy classes, he strongly believed that no individual, no matter how rich and powerful, should control the people's representatives.

Furthermore, Roosevelt was convinced that if abuse of workers continued to go unchecked, a violent revolution would sweep the nation. An outspoken foe of socialism, Roosevelt believed that capitalism would be preserved with a little restraint and common sense. Within months he began to wield his newfound power.

Roosevelt changed the office in other important ways. He never went anywhere without his photographer. He wanted Americans to see a rough and tumble leader who was unafraid to get his hands dirty. He became the first President to travel out of the country while in office and the first to win the Nobel Prize.

Unlike his quieter predecessors, Roosevelt knew that if the Washington politicians resisted change, he would have to take his case to the people directly. He traveled often and spoke with confidence and enthusiasm. Americans received him warmly.

The country was thirsting for leadership and Roosevelt became a political and popular hero. Merchandise was sold in his likeness, paintings and lithographs created in his honor, and even a film was produced portraying him as a fairy-tale hero. The White House was finally back in business.

THE TRUST BUSTER

Teddy Roosevelt was one American who believed a revolution was coming. He believed Wall Street fanciers and powerful trust titans to be acting foolishly. While they were eating off fancy china on mahogany tables in marble dining rooms, the masses were roughing it. There seemed to be no limit to greed. If docking wages would increase profits, it was done. If higher railroad rates put more gold in their coffers, it was done. How much was enough, Roosevelt wondered?

McKinley và Roosevelt đã thắng cuộc bầu cử, và tất cả đã được tiến hành theo kế hoạch cho đến khi viên đạn của một sát thủ kết thúc cuộc đời của McKinley vào tháng 9 năm 1901.

Chưa bao giờ có một Tổng thống như anh ta. Chỉ mới 42 tuổi, Roosevelt là vị tổng thống trẻ nhất từ trước tới nay. Năng lượng của anh ta dễ lây lan, và cả nước bị điện khí hóa bởi nhà lãnh đạo mới của họ.

Chẳng mấy chốc rõ ràng là một loại Tổng thống mới ở trong thị trấn. Kể từ cái chết của Lincoln vào năm 1865, Quốc hội dường như điều hành chính phủ, và công việc kinh doanh lớn dường như đang điều hành Quốc hội. Về mặt triết học, Roosevelt bị xúc phạm bởi những thực tế này. Mặc dù bản thân ông được ca ngợi từ các tầng lớp giàu có, ông tin tưởng mạnh mẽ rằng không có cá nhân, không có vấn đề làm thế nào phong phú và mạnh mẽ, nên kiểm soát các đại diện của người dân.

Hơn nữa, Roosevelt bị thuyết phục rằng nếu việc lạm dụng công nhân tiếp tục bị bỏ qua, một cuộc cách mạng bạo lực sẽ quét sạch quốc gia. Một kẻ thù thẳng thắn của chủ nghĩa xã hội, Roosevelt tin rằng chủ nghĩa tư bản sẽ được bảo tồn với một chút kiềm chế và ý thức chung. Trong vòng vài tháng, anh bắt đầu sử dụng sức mạnh mới của mình.

Roosevelt thay đổi văn phòng theo những cách quan trọng khác. Anh ta không bao giờ đi đâu hết nếu không có nhiếp ảnh gia của anh ấy. Anh muốn người Mỹ nhìn thấy một thủ lĩnh thô lỗ và tumble, người không sợ bị bắn tay. Ông trở thành Tổng thống đầu tiên đi ra khỏi đất nước trong khi ở văn phòng và là người đầu tiên giành được giải Nobel.

Không giống như những người tiền nhiệm yên tĩnh hơn, Roosevelt biết rằng nếu các chính trị gia Washington chống lại sự thay đổi, ông sẽ phải đưa vụ kiện của mình trực tiếp đến người dân. Anh ấy thường xuyên đi và nói với sự tự tin và nhiệt tình. Người Mỹ đón nhận anh nồng nhiệt.

Đất nước đang khát khao lãnh đạo và Roosevelt trở thành một anh hùng chính trị và nổi tiếng. Hàng hóa được bán trong sự giống nhau của ông, các bức tranh và in thạch bản được tạo ra trong danh dự của ông, và thậm chí một bộ phim được sản xuất miêu tả ông như một anh hùng câu chuyện cổ tích. Nhà Trắng cuối cùng đã trở lại kinh doanh.

TRUST BUSTER

Teddy Roosevelt là một người Mỹ tin rằng một cuộc cách mạng đang đến. Ông tin rằng những người yêu thích Wall Street và những người khổng lồ tin tưởng mạnh mẽ sẽ hành động ngu xuẩn. Trong khi họ đang ăn những chiếc bàn gỗ gụ trên những chiếc bàn bằng gỗ gụ trong các phòng ăn bằng đá cẩm thạch, thì quần chúng vẫn đang thô ráp. Dường như không có giới hạn để tham lam. Nếu tiền lương gắn kết sẽ làm tăng lợi nhuận, nó đã được thực hiện. Nếu tỷ lệ đường sắt cao hơn đặt nhiều vàng hơn trong kho bạc của họ, nó đã được thực hiện. Bao nhiêu là đủ, Roosevelt tự hỏi?

Although he himself was a man of means, he criticized the wealthy class of Americans on two counts. First, continued exploitation of the public could result in a violent uprising that could destroy the whole system. Second, the captains of industry were arrogant enough to believe themselves superior to the elected government. Now that he was President, Roosevelt went on the attack.

The President's weapon was the **Sherman Anti-Trust Act**, passed by Congress in 1890. This law declared illegal all combinations "in restraint of trade." For the first twelve years of its existence, the Sherman Act was a paper tiger. United States courts routinely sided with business when any enforcement of the Act was attempted.

For example, the American Sugar Refining Company controlled 98% of the sugar industry. Despite this virtual monopoly, the Supreme Court refused to dissolve the corporation in an 1895 ruling. The only time an organization was deemed in restraint of trade was when the court ruled against a labor union.



Roosevelt knew that no new legislation was necessary. When he sensed that he had a sympathetic Court, he sprang into action. The first trust giant to fall victim to Roosevelt's assault was none other than the most powerful industrialist in the country, J. Pierpont Morgan.

Mặc dù bản thân anh ta là một người có ý nghĩa, anh ta chỉ trích tầng lớp giàu có của người Mỹ về hai lần. Thứ nhất, tiếp tục khai thác công chúng có thể dẫn đến một cuộc nổi dậy bạo lực có thể phá hủy toàn bộ hệ thống. Thứ hai, các đội trưởng của ngành công nghiệp đã kiêu ngạo, đủ để tin rằng mình vượt trội so với chính phủ được bầu. Bây giờ ông là Tổng thống, Roosevelt đã tấn công.

Vũ khí của Tổng thống là Đạo luật Anti-Trust Sherman, được Quốc hội thông qua năm 1890. Luật này tuyên bố bất hợp pháp tất cả các kết hợp "trong kiềm chế thương mại." Trong mười hai năm đầu tiên, Đạo luật Sherman là một con hổ giấy. Tòa án Hoa Kỳ thường xuyên đứng về phía doanh nghiệp khi bất kỳ việc thi hành Đạo luật nào đã được thực hiện.

Ví dụ, Công ty tinh chế đường của Mỹ kiểm soát 98% ngành công nghiệp đường. Mặc dù độc quyền ảo này, Tòa án Tối cao từ chối giải thể công ty trong một phán quyết năm 1895. Lần duy nhất một tổ chức được coi là kiềm chế thương mại là khi tòa án phán quyết chống lại một công đoàn lao động.

Primary Source: Editorial Cartoon

President Roosevelt is seen here controlling the trusts, deciding between good trusts and bad. The use of bears is significant. A widely circulated story about Roosevelt is that he was on a hunting trip. When he was given the opportunity to shoot a captive bear he refused. Since that time, stuffed toy bears are known as Teddy Bears.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Tổng thống Roosevelt được nhìn thấy ở đây kiểm soát các tín thác, quyết định giữa tín thác tốt và xấu. Việc sử dụng gấu là đáng kể. Một câu chuyện được lưu hành rộng rãi về Roosevelt là anh ta đang đi săn. Khi anh được cho cơ hội bắn một con gấu bị giam cầm, anh từ chối. Kể từ đó, gấu nhồi bông được gọi là Teddy Bears.

Roosevelt biết rằng không có luật mới là cần thiết. Khi anh ta cảm thấy rằng anh ta có một Tòa án thông cảm, anh ta đã hành động. Người không hề tin tưởng đầu tiên trở thành nạn nhân của cuộc tấn công của Roosevelt không ai khác ngoài nhà công nghiệp mạnh nhất trong nước, J. Pierpont Morgan.

Morgan controlled a railroad company known as Northern Securities. In combination with railroad moguls James J. Hill and E. H. Harriman, Morgan controlled the bulk of railroad shipping across the northern United States.

Morgan was enjoying a peaceful dinner at his New York home on February 19, 1902, when his telephone rang. He was furious to learn that Roosevelt's Attorney General was bringing suit against the Northern Securities Company. Stunned, he muttered to his equally shocked dinner guests about how rude it was to file such a suit without warning.

Four days later, Morgan was at the White House with the President. Morgan bellowed that he was being treated like a common criminal. The President informed Morgan that no compromise could be reached, and the matter would be settled by the courts. Morgan inquired if his other interests were at risk, too. Roosevelt told him only the ones that had done anything wrong would be prosecuted.

This was the core of Theodore Roosevelt's leadership. He boiled everything down to a case of right versus wrong and good versus bad. If a trust controlled an entire industry but provided good service at reasonable rates, it was a "good" trust to be left alone. Only the "bad" trusts that jacked up rates and exploited consumers would come under attack. Who would decide the difference between right and wrong? The occupant of the White House trusted only himself to make this decision in the interests of the people.

The American public cheered Roosevelt's new offensive. The Supreme Court, in a narrow 5 to 4 decision, agreed and dissolved the Northern Securities Company. Roosevelt said confidently that no man, no matter how powerful, was above the law. As he landed blows on other "bad" trusts, his popularity grew and grew. He gained the nickname, the **"Trust Buster."**

PASSING THE TORCH

1908 was not a good year for Teddy Roosevelt. The nation was recovering from a financial panic that had rocked Wall Street the previous year. Many leading industrialists unjustly blamed the crisis on the President. The Congress that he had finessed in his early term was now dominated by conservative Republicans who took joy at blocking the President's initiatives. Now his time in the White House was coming to a close.

He had promised not to seek a third term when he was elected in 1904. No prior President had ever broken the two-term tradition. Roosevelt would keep his word.

He decided that if he could no longer serve as President, the next best option was to name a successor that would carry out his programs. He found the perfect candidate in **William Howard Taft**.

Morgan kiểm soát một công ty đường sắt được gọi là Chứng khoán phía Bắc. Kết hợp với các xe lửa đường sắt James J. Hill và E. H. Harriman, Morgan kiểm soát phần lớn vận tải đường sắt trên khắp miền bắc Hoa Kỳ.

Morgan đã được thưởng thức một bữa ăn tối yên bình tại nhà New York của mình vào ngày 19 tháng 2 năm 1902, khi điện thoại của anh reo lên. Anh ta rất tức giận khi biết rằng Tổng chưởng lý của Roosevelt đã đưa ra vụ kiện chống lại Công ty Chứng khoán phía Bắc. Choáng váng, anh lăm lăm với những bữa ăn tối không kém phần sốc của mình về việc anh ta thô lỗ như thế nào khi nộp một bộ đồ như vậy mà không cần cảnh báo.

Bốn ngày sau, Morgan đang ở Nhà Trắng với Tổng thống. Morgan bellowed rằng ông đã được đối xử như một tội phạm phổ biến. Tổng thống thông báo cho Morgan rằng không có sự thỏa hiệp nào có thể đạt được, và vấn đề sẽ được giải quyết bởi các tòa án. Morgan hỏi nếu những lợi ích khác của anh cũng có nguy cơ. Roosevelt nói với anh ta chỉ những người đã làm bất cứ điều gì sai sẽ bị truy tố.

Đây là cốt lõi của sự lãnh đạo của Theodore Roosevelt. Anh ta đun sôi mọi thứ xuống một trường hợp đúng so với sai và tốt so với xấu. Nếu một niềm tin kiểm soát toàn bộ một ngành công nghiệp nhưng cung cấp dịch vụ tốt ở mức giá hợp lý, đó là một niềm tin "tốt" để được để lại một mình. Chỉ có các ủy thác "xấu" có tỷ lệ tăng lên và người tiêu dùng bị khai thác sẽ bị tấn công. Ai sẽ quyết định sự khác biệt giữa đúng và sai? Người cư ngụ của Nhà Trắng chỉ tin tưởng mình để đưa ra quyết định này vì lợi ích của người dân.

Công chúng Mỹ cổ vũ cho cuộc tấn công mới của Roosevelt. Tòa án tối cao, trong một quyết định hẹp từ 5 đến 4, đã đồng ý và giải thể Công ty Chứng khoán phía Bắc. Roosevelt tự tin nói rằng không có người đàn ông nào, dù mạnh đến đâu, vẫn vượt trên luật pháp. Khi anh ta giáng những đòn mạnh vào những tin tưởng xấu khác, thì sự nổi tiếng của anh ta ngày càng tăng. Anh ta có được biệt danh là Buster Bus Trust.

VƯỢT QUA TORCH

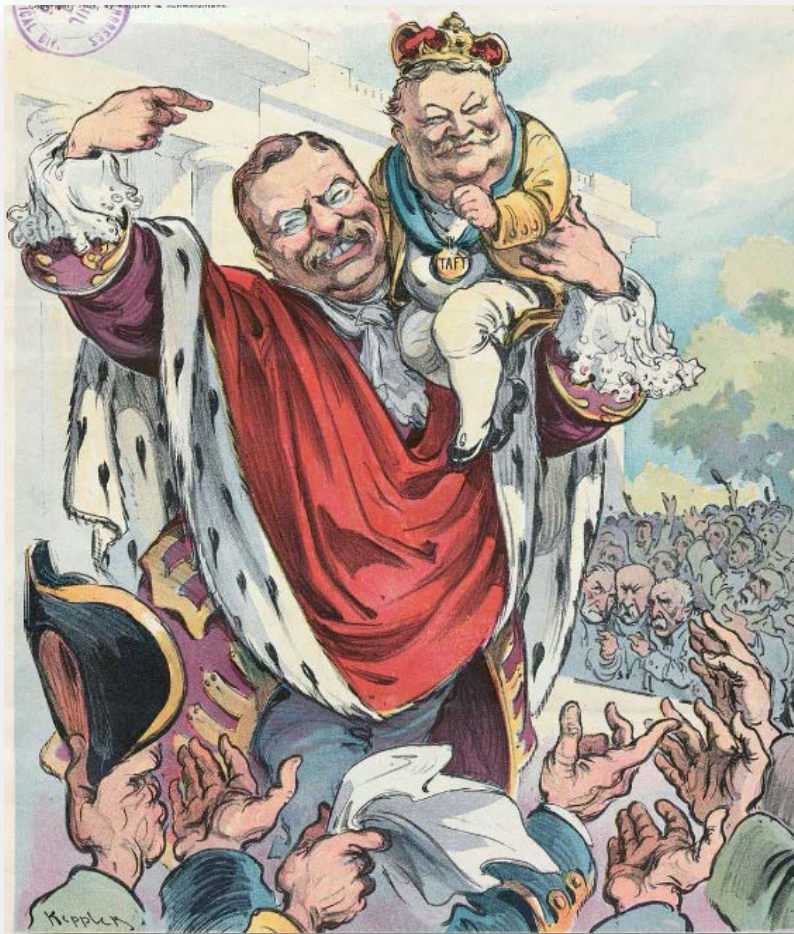
Năm 1908 không phải là một năm tốt cho Teddy Roosevelt. Quốc gia đang hồi phục sau một cơn hoảng loạn tài chính đã làm rung chuyển Phố Wall năm trước. Nhiều nhà công nghiệp hàng đầu bắt công đổ lỗi cho cuộc khủng hoảng trên Tổng thống. Đại hội mà ông đã có được trong thời gian đầu của mình hiện đang bị chi phối bởi các đảng Cộng hòa bảo thủ, người đã vui mừng ngăn chặn các sáng kiến của Tổng thống. Bây giờ thời gian của mình trong Nhà Trắng đã đến gần.

Ông đã hứa sẽ không tìm kiếm một nhiệm kỳ thứ ba khi ông được bầu vào năm 1904. Không có Tổng thống trước đây từng phá vỡ truyền thống hai nhiệm kỳ. Roosevelt sẽ giữ lời.

Ông quyết định rằng nếu ông không còn có thể phục vụ như Tổng thống, lựa chọn tốt nhất tiếp theo là đặt tên một người kế nhiệm sẽ thực hiện các chương trình của ông. Ông tìm thấy ứng cử viên hoàn hảo ở William Howard Taft.

Taft and Roosevelt were best friends. When Roosevelt was sworn in as chief executive, Taft was serving as governor of the Philippines. Roosevelt offered his friend a seat on the Supreme Court, but his work in the Philippines and the ambitions of Mrs. Taft propelled him to decline. In 1904, he became Secretary of War and his friendship with Roosevelt grew stronger.

By 1908, Roosevelt was convinced that Taft would be the ideal successor. His support steamrolled Taft to the Republican nomination, and the fall election against William Jennings Bryan proved to be a landslide victory.



Upon leaving the White House, Roosevelt embarked on a worldwide tour, including an African safari and a sojourn through Europe. Taft was left to make his own mark on America.

But he lacked the political skill of his predecessor to keep both the progressive and conservative wings of his party happy. He ended up alienating both sides.

The defining moment came with the Payne-Aldrich Tariff. Progressives hated the measure, which raised rates, and

Taft và Roosevelt là bạn thân nhất. Khi Roosevelt tuyên thệ nhậm chức tổng giám đốc, Taft đang giữ chức thống đốc Philippines. Roosevelt mời bạn mình ngồi trên Tòa án Tối cao, nhưng công việc của ông ở Philippines và tham vọng của bà Taft khiến ông từ chối. Năm 1904, ông trở thành Bộ trưởng Chiến tranh và tình bạn của ông với Roosevelt ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

Đến năm 1908, Roosevelt tin chắc rằng Taft sẽ là người thừa kế lý tưởng. Sự hỗ trợ của ông đã thúc đẩy Taft cho đề cử của đảng Cộng hòa, và cuộc bầu cử mùa thu chống lại William Jennings Bryan đã chứng minh là một chiến thắng lớn.

Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, President Roosevelt is holding his successor, William Howard Taft. Roosevelt's support for his friend helped secure his nomination from the Republican Party and his success in the general election.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Trong phim hoạt hình này, Tổng thống Roosevelt đang giữ người kế nhiệm ông, William Howard Taft. Sự hỗ trợ của Roosevelt cho người bạn của ông đã giúp bảo đảm sự đề cử của ông từ Đảng Cộng hòa và thành công của ông trong cuộc tổng tuyển cử.

Khi rời khỏi Nhà Trắng, Roosevelt bắt tay vào một chuyến lưu diễn khắp thế giới, bao gồm cả chuyến đi săn châu Phi và một cuộc lưu diễn khắp châu Âu. Taft được để lại dấu ấn riêng của mình trên nước Mỹ.

Nhưng anh ta thiếu kỹ năng chính trị của người tiền nhiệm của mình để giữ cho cả đôi cánh tiến bộ và bảo thủ của nhóm mình hạnh phúc. Anh ta đã kết thúc cả hai bên.

Khoảnh khắc xác định đi kèm với Biểu thuế Payne-Aldrich. Tiến bộ ghét các biện pháp, trong đó tăng lãi

conservatives lauded it. Taft signed the bill, and his progressive supporters were furious.

The rupture widened with the Ballinger-Pinchot controversy. Richard Ballinger was Taft's Secretary of the Interior. His appointment shocked Gifford Pinchot, the nation's chief forester and longtime companion of Theodore Roosevelt. Pinchot rightly saw that Ballinger was no friend to Roosevelt's conservation initiatives. When Pinchot publicly criticized Ballinger, Taft fired Pinchot, and progressives were again outraged. The two wings of the party were now firmly on a collision course.

Despite criticism from progressive Republicans, Taft did support many of their goals. He broke twice as many trusts in his one term as Roosevelt had broken in his two. Taft limited the workday of federal employees to 8 hours and supported the 16th Amendment to the Constitution, which empowered the Congress to levy a federal income tax. He created a Children's Bureau and supported the 17th Amendment, which allowed for senators to be directly elected by the people instead of the state legislatures.

Still, when Roosevelt returned to America, progressives pressed him to challenge Taft for the party leadership. As 1912 approached, the fight was on.

THE ELECTION OF 1912

Politics can sometimes turn the best of friends into the worst of enemies. Such was the fate for the relationship between Theodore Roosevelt and William Howard Taft.

Roosevelt's decision to challenge Taft for the Republican nomination in 1912 was most difficult. Historians disagree on his motives. Defenders of Roosevelt insist that Taft betrayed the progressive platform. When Roosevelt returned to the United States, he was pressured by thousands of progressives to lead them once more. Roosevelt believed that he could do a better job uniting the party than Taft. He felt a duty to the American people to run.

When progressive members of the Republican Party accused the conservatives at the party convention in Chicago of tampering with the vote, they convened in Chicago's Orchestra Hall, and formed the National Progressive Party. Later that summer, they nominated Roosevelt. Questioned by reporters, Roosevelt said he felt as strong as a "bull moose," giving the party the nickname the, **Bull Moose Party**.

Critics of Roosevelt are not quite so kind. Roosevelt had a huge ego, and his lust for power could not keep him on the sidelines. He stabbed his friend in the back and overlooked the positive sides of Taft's Presidency. Whatever the motive, the **election of 1912** would begin with two prominent Republican candidates.

suất, và bảo thủ ca ngợi nó. Taft đã ký dự luật, và những người ủng hộ tiến bộ của anh ta rất tức giận.

Đột phá mở rộng với cuộc tranh cãi Ballinger-Pinchot. Richard Ballinger là Thư ký Nội vụ của Taft. Cuộc hẹn của ông đã gây sốc cho Gifford Pinchot, thủ lĩnh của quốc gia và là bạn đồng hành lâu năm của Theodore Roosevelt. Pinchot đã thấy rằng Ballinger không phải là bạn của Roosevelt. Khi Pinchot công khai chỉ trích Ballinger, Taft đã bắt Pinchot, và những tiến bộ lại một lần nữa bị xúc phạm. Hai cánh của bữa tiệc giờ đã vững chắc trên một sân va chạm.

Bất chấp những lời chỉ trích từ đảng Cộng hòa tiến bộ, Taft đã ủng hộ rất nhiều mục tiêu của họ. Anh ta đã phá vỡ gấp đôi tín thác trong một nhiệm kỳ của mình khi Roosevelt đã phá vỡ trong hai nhiệm vụ của mình. Taft giới hạn ngày làm việc của nhân viên liên bang đến 8 giờ và hỗ trợ sửa đổi thứ 16 cho Hiến pháp, trong đó trao quyền cho Quốc hội để thu thuế thu nhập liên bang. Ông đã tạo ra một Phòng Trẻ em và hỗ trợ Bản sửa đổi lần thứ 17, cho phép các thượng nghị sĩ được dân cử trực tiếp thay vì các cơ quan lập pháp của tiểu bang.

Tuy nhiên, khi Roosevelt trở về Mỹ, tiến bộ đã ép anh phải thách đấu Taft để lãnh đạo đảng. Khi đến năm 1912, cuộc chiến đã diễn ra.

BẦU CỬ 1912

Chính trị đôi khi có thể biến những người bạn tốt nhất thành kẻ thù tồi tệ nhất. Đó là số phận cho mối quan hệ giữa Theodore Roosevelt và William Howard Taft.

Quyết định của Roosevelt thách thức Taft cho đề cử của đảng Cộng hòa vào năm 1912 là khó khăn nhất. Các sử gia không đồng ý về động cơ của ông. Các hậu vệ của Roosevelt nhấn mạnh rằng Taft phản bội nền tảng tiến bộ. Khi Roosevelt trở về Hoa Kỳ, ông bị áp lực bởi hàng ngàn tiến bộ để dẫn dắt họ một lần nữa. Roosevelt tin rằng ông có thể làm một công việc tốt hơn đoàn kết đảng hơn Taft. Ông cảm thấy một nhiệm vụ để người dân Mỹ chạy.

Khi các thành viên tiến bộ của Đảng Cộng hòa cáo buộc những người bảo thủ tại hội nghị đảng ở Chicago giả mạo phiếu bầu, họ triệu tập tại Hội trường Dàn nhạc của Chicago, và thành lập Đảng Tiến bộ Quốc gia. Cuối mùa hè đó, họ đã đề cử Roosevelt. Được hỏi bởi các phóng viên, Roosevelt nói rằng ông cảm thấy mạnh mẽ như một "con nai sừng tấm", trao cho đảng biệt danh, Bull Moose Party.

Các nhà phê bình của Roosevelt không hoàn toàn tốt bụng. Roosevelt có một bản ngã rất lớn, và sự ham muốn quyền lực của anh không thể giữ anh bên lề. Anh đâm vào người bạn của mình ở phía sau và bỏ qua những mặt tích cực của Tổng thống Taft. Dù động cơ, cuộc bầu cử năm 1912 sẽ bắt đầu với hai ứng cử viên đảng Cộng hòa nổi bật.



Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, President Taft is showed struggling to control the many problems that plagued his presidency. Meanwhile, a critical former president Roosevelt looks in disapprovingly, foreshadowing the contentious 1912 election.

Nguồn chính: Phim hoạt hình biên tập

Trong phim hoạt hình này, Tổng thống Taft đã cho thấy đang đấu tranh để kiểm soát nhiều vấn đề cản trở chức tổng thống của ông. Trong khi đó, một cựu tổng thống quan trọng Roosevelt có vẻ không tán thành, báo trước cuộc bầu cử năm 1912 gây tranh cãi.

The two former friends hurled insults at each other as the summer of 1912 drew near. Taft had the party leadership behind him, but Roosevelt had the people. Roosevelt spoke of a New Nationalism, a broad plan of social reform for America.

Rather than destroying every trust, Roosevelt supported the creation of a Federal Trade Commission to keep a watchful eye on unfair business practices. He proposed a minimum wage, a workers' compensation act, and a child labor law. He proposed a government pension for retirees and funds to assist Americans with health care costs. He supported the women's suffrage amendment. The time of laissez faire was over. The government must intervene to help its people Roosevelt and his progressive followers argued. Taft and his supporters disagreed, and the battle was left for the voters to decide.

WOODROW WILSON'S NEW FREEDOM

Progressives did not come only in the Republican flavor. Thomas **Woodrow Wilson** also saw the need for change. Born in Staunton, Virginia, Wilson served as president of Princeton University and governor of New Jersey. He combined a southern background with northern sensibilities.

His 1912 platform for change was called the **New Freedom**. Wilson was an admirer of Thomas Jefferson. The agrarian utopia of small, educated farmers envisioned by Jefferson struck a chord with Wilson. Of course, the advent of industry could not be denied, but a nation of small farmers and small businesspeople seemed entirely possible. The New Freedom sought to achieve this vision by attacking what Wilson called the triple wall of privilege: the tariff, the banks, and the trusts.

Hai người bạn cũ ném lăng mạ vào nhau vì mùa hè năm 1912 đã đến gần. Taft có sự lãnh đạo của đảng, nhưng Roosevelt có người. Roosevelt đã nói về một chủ nghĩa dân tộc mới, một kế hoạch cải cách xã hội rộng rãi cho Mỹ.

Thay vì phá hủy mọi niềm tin, Roosevelt ủng hộ việc thành lập một Ủy ban Thương mại Liên bang để theo dõi một cách thận trọng về các hoạt động kinh doanh không công bằng. Ông đề xuất mức lương tối thiểu, hành động đền bù của người lao động và luật lao động trẻ em. Ông đã đề xuất một khoản trợ cấp của chính phủ cho người về hưu và các quỹ hỗ trợ người Mỹ với chi phí chăm sóc sức khỏe. Ông ủng hộ việc sửa đổi quyền bầu cử của phụ nữ. Thời gian của faire laissez đã kết thúc. Chính phủ phải can thiệp để giúp đỡ người dân Roosevelt và những người theo dõi tiến bộ của ông lập luận. Taft và những người ủng hộ anh không đồng ý, và trận chiến đã được để lại cho các cử tri quyết định.

WOODROW WILSON'S NEW FREEDOM

Tiến bộ đã không chỉ đến trong hương vị của đảng Cộng hòa. Thomas Woodrow Wilson cũng thấy sự cần thiết phải thay đổi. Sinh ra tại Staunton, Virginia, Wilson là chủ tịch của Đại học Princeton và thống đốc bang New Jersey. Ông kết hợp một nền phía nam với sự nhạy cảm phía bắc.

Nền tảng thay đổi năm 1912 của ông được gọi là Tự do mới. Wilson là một người ngưỡng mộ Thomas Jefferson. Sự lạc quan nông nghiệp của những nông dân nhỏ được giáo dục được Jefferson hình dung đã hợp tác với Wilson. Tất nhiên, sự ra đời của ngành công nghiệp không thể bị từ chối, nhưng một quốc gia nông dân nhỏ và các doanh nhân nhỏ dường như hoàn toàn có thể. Tự do mới tìm cách đạt được tầm nhìn này bằng cách tấn công những gì Wilson gọi là bức tường của đặc quyền ba: thuế quan, ngân hàng và tín thác.



Primary Source: Photograph

Woodrow Wilson during the 1912 election campaign. His academic appearance matched his idealistic personality.

Nguồn chính: Ảnh

Woodrow Wilson trong chiến dịch bầu cử năm 1912. Sự xuất hiện học thuật của anh phù hợp với tính cách lý tưởng của anh.

Tariffs protected the large industrialists at the expense of small farmers. Wilson signed the Underwood-Simmons Act into law in 1913, which reduced tariff rates. The banking system also pinched small farmers and entrepreneurs. The gold standard still made currency too tight, and loans were too expensive for the average American. Wilson signed the **Federal Reserve Act**, which made the nation's currency more flexible.

Unlike Roosevelt, Wilson did not distinguish between "good" trusts and "bad" trusts. Any trust by virtue of its large size was bad in Wilson's eyes. The **Clayton Antitrust Act** of 1914 clarified the Sherman Act by specifically naming certain business tactics illegal. This same act also exempted labor unions from antitrust suits, and declared strikes, boycotts, and peaceful picketing legal. No longer could business owners use antitrust legislation against their workers.

In two years, he successfully attacked each wall of privilege. Now his eyes turned to greater concerns, particularly the outbreak of the First World War in Europe.

Thuế quan bảo vệ các nhà công nghiệp lớn với chi phí của những người nông dân nhỏ. Wilson đã ký Đạo luật Underwood-Simmons thành luật vào năm 1913, giảm thuế suất. Hệ thống ngân hàng cũng ép chặt các nông dân và doanh nhân nhỏ. Tiêu chuẩn vàng vẫn khiến đồng tiền quá thắt chặt, và các khoản vay quá đắt đối với người Mỹ trung bình. Wilson đã ký Đạo luật Dự trữ Liên bang, điều này làm cho tiền của quốc gia linh hoạt hơn.

Không giống như Roosevelt, Wilson không phân biệt giữa tín thác "tốt" và tín thác "xấu". Bất kỳ sự tin tưởng nào bởi kích thước lớn của nó đều xấu trong mắt Wilson. Đạo luật chống độc quyền Clayton năm 1914 đã làm sáng tỏ Đạo luật Sherman bằng cách đặt tên cụ thể một số chiến thuật kinh doanh bất hợp pháp. Hành động tương tự này cũng miễn công đoàn lao động khỏi các vụ kiện chống độc quyền, và tuyên bố đình công, tẩy chay và luật pháp hòa bình. Không còn chủ sở hữu doanh nghiệp nào có thể sử dụng luật chống độc quyền chống lại công nhân của họ nữa.

Trong hai năm, anh đã tấn công thành công mỗi bức tường của đặc quyền. Bây giờ đôi mắt của ông chuyển sang mối quan tâm lớn hơn, đặc biệt là sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ nhất ở châu Âu.

APPEASING THE BULL MOOSE

When Wilson's first term expired, he felt he had to do more. The nation was on the brink of entering the First World War, bloodiest conflict in human history, and Wilson had definite ideas about how the postwar peace should look. But he would have to survive reelection first.

As an appeal to the Roosevelt progressives, he began to sign many legislative measures suggested by the Bull Moose campaign. He approved of the creation of a **Federal Trade Commission** to act as a watchdog over business. A child labor bill and a workers' compensation act became law. Wilson agreed to limit the workday of interstate railroad workers to 8 hours. He signed a Federal Farm Loan Act to ease the pains of life on the farm.

Progressive Republicans in the Congress were pleased by Wilson's conversion to their brand of progressivism, and the American people showed their approval by electing him to a second term.

CONCLUSION

So, clearly government has tremendous power to tip the scale of power between the wealthy and the workers. In the 1800s, government usually intervened on behalf of business owners, but in the 1900s, progressive presidents worked more aggressively to champion the concerns of workers.

Some would argue that America's political leaders did not go far enough, that they should have done more to distribute power and wealth among the people who labored every day to create that wealth. Moreover, this did not end after the Gilded Age. Throughout the Great Depression of the 1930s, and even within today's Occupy Wall Street movement, there are those who feel government has not done enough to redistribute wealth.

What do you think? How should government balance the power of the social classes?

XỬ LÝ BULL MOOSE

Khi học kỳ đầu tiên của Wilson hết hạn, anh cảm thấy mình phải làm nhiều hơn. Quốc gia đang trên bờ vực bước vào Chiến tranh thế giới thứ nhất, cuộc xung đột đẫm máu nhất trong lịch sử nhân loại, và Wilson đã có những ý tưởng nhất định về cách thức hòa bình sau chiến tranh nên xem xét. Nhưng anh ta sẽ phải sống lại cuộc bầu cử trước.

Để thu hút sự tiến bộ của Roosevelt, ông bắt đầu ký nhiều biện pháp lập pháp do chiến dịch Bull Moose đề xuất. Ông đã chấp thuận việc thành lập một Ủy ban Thương mại Liên bang để hoạt động như một cơ quan giám sát trong kinh doanh. Hóa đơn lao động trẻ em và hành vi đền bù của người lao động đã trở thành luật. Wilson đồng ý giới hạn ngày làm việc của nhân viên đường sắt liên bang đến 8 giờ. Ông đã ký một Đạo luật cho vay trang trại liên bang để giảm bớt nỗi đau của cuộc sống trên trang trại.

Các đảng Cộng hòa tiến bộ trong Quốc hội hài lòng bởi sự chuyển đổi của Wilson đối với thương hiệu tiến bộ của họ, và người dân Mỹ đã cho thấy sự chấp thuận của họ bằng cách bầu ông vào nhiệm kỳ thứ hai.

PHẦN KẾT LUẬN

Vì vậy, rõ ràng chính phủ có quyền lực to lớn để đưa ra quy mô quyền lực giữa những người giàu có và người lao động. Vào những năm 1800, chính phủ thường can thiệp thay mặt cho các chủ doanh nghiệp, nhưng vào những năm 1900, các tổng thống tiến bộ đã làm việc tích cực hơn để vô địch các mối quan tâm của người lao động.

Một số người cho rằng các nhà lãnh đạo chính trị Mỹ không đi đủ xa, rằng họ nên làm nhiều hơn để phân phối quyền lực và sự giàu có giữa những người lao động mỗi ngày để tạo ra sự giàu có đó. Hơn nữa, điều này đã không kết thúc sau thời kỳ Gilded. Trong suốt cuộc Đại suy thoái của những năm 1930, và ngay cả trong phong trào Chiếm đóng Phố Wall ngày nay, có những người cảm thấy chính phủ đã không làm đủ để phân phối lại sự giàu có.

Bạn nghĩ sao? Chính phủ nên cân bằng sức mạnh của các tầng lớp xã hội như thế nào?

SUMMARY

Theodore Roosevelt took an interesting road to the White House. He was born rich, became a national hero in the Spanish-American War, was briefly a cowboy, became Governor of New York, and eventually vice president. Republican leaders who didn't like Roosevelt chose him to be vice president on purpose, because they believed he would be sidelined and would have no influence. They didn't expect McKinley to be assassinated.

As president, Theodore Roosevelt wanted to balance the needs of workers and owners. When trusts were beneficial to the growth of the nation, he ignored them. When he thought business leaders were hurting people and the nation, he took them to court to break up their monopolies.

Roosevelt grew tired of the job and helped William Howard Taft win as his successor. Taft continued Roosevelt's trustbusting ways. In 1912, Roosevelt came back, this time with his own Bull Moose Party to try to win back his old job. Republicans were split between Taft and Roosevelt, giving the electoral win to Woodrow Wilson, a democrat.

Wilson was also a progressive, and used government's power to promote reform. During his time in office he created the Federal Reserve to stabilize the nation's banking system and the Federal Trade Commission to oversee business practices.

TÓM LƯỢC

Theodore Roosevelt đã đi một con đường thú vị đến Nhà Trắng. Ông sinh ra đã giàu có, trở thành anh hùng dân tộc trong Chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha, trong một thời gian ngắn là một cao bồi, trở thành Thống đốc New York, và cuối cùng là phó tổng thống. Các nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa, những người đã làm như Roosevelt, đã chọn ông làm phó tổng thống, vì họ tin rằng ông sẽ phải ngồi ngoài và sẽ không có ảnh hưởng. Họ đã không mong đợi McKinley bị ám sát.

Là chủ tịch, Theodore Roosevelt muốn cân bằng nhu cầu của công nhân và chủ sở hữu. Khi niềm tin có lợi cho sự phát triển của quốc gia, ông đã bỏ qua chúng. Khi anh ta nghĩ rằng các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đang làm tổn thương người dân và quốc gia, anh ta đã đưa họ ra tòa để phá vỡ sự độc quyền của họ.

Roosevelt trở nên mệt mỏi với công việc và giúp William Howard Taft giành chiến thắng với tư cách là người kế nhiệm. Taft tiếp tục Roosevelt từ cách tin tưởng. Năm 1912, Roosevelt trở lại, lần này với Đảng Bull Moose của riêng mình để cố gắng giành lại công việc cũ của mình. Đảng Cộng hòa bị chia rẽ giữa Taft và Roosevelt, trao chiến thắng trong cuộc bầu cử cho Woodrow Wilson, một nhà dân chủ.

Wilson cũng là một người tiến bộ và sử dụng sức mạnh của chính phủ để thúc đẩy cải cách. Trong thời gian tại vị, ông đã tạo ra Cục Dự trữ Liên bang để ổn định hệ thống ngân hàng quốc gia và Ủy ban Thương mại Liên bang để giám sát các hoạt động kinh doanh.



KEY CONCEPTS

Trust Buster: Nickname for President Theodore Roosevelt, referring to the numerous lawsuits he filed against monopolies using the Sherman Anti-Trust Act.

New Freedom: President Wilson's campaign promise. He wanted to reduce tariffs and limit the power of banks and trusts.



LAWS

Sherman Anti-Trust Act: 1890 law banning business combinations "in restraint of trade." Often used against unions, Theodore Roosevelt used it to take monopolies to court, giving him the nickname "Trustbuster."

Clayton Antitrust Act: 1914 law that clarified the Sherman Ant-Trust Act. It was used by President Wilson to continue antitrust court battles.



PEOPLE AND GROUPS

Mark Hanna: President McKinley's campaign manager who disliked Theodore Roosevelt and arranged for his selection as McKinley running mate.

William Howard Taft: Republican president who succeeded Roosevelt. He had previously served as Governor of the Philippines. His presidency did not go well and he lost his bid for reelection after Roosevelt ran as an independent. He later served as Chief Justice of the Supreme Court.

Bull Moose Party: Nickname for the independent party that nominated former president Roosevelt in 1912 after he lost his bid for the Republican nomination.

Woodrow Wilson: Democratic president from New Jersey. He was president of Princeton University and governor of New Jersey. He defeated Roosevelt and Taft to win the presidency in 1912 and was president during World War One.



EVENTS

Election of 1912: Presidential election in which Republican president Taft lost his bid for reelection when Roosevelt ran as an independent. Due to the split in the Republican Party, Democrat Woodrow Wilson won the presidency.



GOVERNMENT AGENCIES

Federal Reserve: Government organization charged with maintaining a steady overall economy. They control the amount of money printed and in circulation. They also control the interest rates banks pay to borrow money.

Federal Trade Commission: Government organization charged with monitoring business activities, especially to limit the creation of monopolies.

Q u e s t i o n N i n e

IS GREED GOOD?

The Gilded Age was a time of economic growth, innovation and laid the groundwork for the look and feel of modern industrial America.

The captains of industry who made this possible, where the same robber barons who used their power and influence to enrich themselves at the expense of everyone else.

Greed, the desire for money, drove both the great industrialists and the poor alike. Immigrants, entrepreneurs and millions of everyday Americans hoped that through hard work and a bit of luck, they too might get ahead in the world. And, when things did not work out, of the masses of workers felt that they were being treated unjustly by industrialists who they felt were too greedy, they formed unions, and took action to make change.

It is time for you to decide what you think. Is greed good?

The Age Gilded là một thời kỳ tăng trưởng kinh tế, đổi mới và đặt nền tảng cho cái nhìn và cảm nhận của Mỹ công nghiệp hiện đại.

Các đội trưởng của ngành công nghiệp đã thực hiện điều này có thể, nơi mà các barons cướp cùng sử dụng quyền lực và ảnh hưởng của họ để làm phong phú bản thân mình tại các chi phí của tất cả mọi người khác.

Tham lam, mong muốn kiếm tiền, đã thúc đẩy cả các nhà công nghiệp lớn lẫn người nghèo. Người nhập cư, doanh nhân và hàng triệu người Mỹ hàng ngày hy vọng rằng thông qua công việc khó khăn và một chút may mắn, họ cũng có thể đi trước trên thế giới. Và, khi mọi thứ không diễn ra, khối lượng công nhân cảm thấy rằng họ bị đối xử công bằng một cách bất công bởi những người công nghiệp mà họ cảm thấy quá tham lam, họ thành lập công đoàn và hành động để thay đổi.

Đã đến lúc bạn quyết định suy nghĩ của mình. Tham lam có tốt không?



www.inquiryhistory.com